

Dự thảo

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và kế hoạch năm 2018

#### Phần I

#### KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017

##### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

###### 1. Tình hình thiết bị:

Các tổ máy phát điện hoạt động ổn định, tin cậy và sẵn sàng tham gia thị trường. Trong năm, các tổ máy phát điện đã xảy ra một vài sự cố liên quan đến tổ máy như sau: Nhà máy Hàm Thuận 01 sự cố; Nhà máy Đa Mi 01 sự cố; Nhà máy Đa Nhim 04 sự cố nhưng được xử lý nhanh chóng và đưa vào vận hành trở lại.

###### 2. Tình hình thủy văn:

Trong năm lưu lượng nước về các hồ đều cao hơn so với năm 2016 và cao hơn trung bình nhiều năm: lưu lượng nước về hồ Đa Nhim là 39,78 m<sup>3</sup>/s (năm 2016 là 27,67 m<sup>3</sup>/s, TBNN là 22,81 m<sup>3</sup>/s); lưu lượng nước về hồ Hàm Thuận là 56,68 m<sup>3</sup>/s (năm 2016 là 40,78 m<sup>3</sup>/s, TBNN là 49,63 m<sup>3</sup>/s). Hồ Đa Nhim tiến hành xả điều tiết nhiều đợt trong năm với lưu lượng xả bình quân là 14,34 m<sup>3</sup>/s tương đương với khối lượng nước xả là 453 triệu m<sup>3</sup>. Chi tiết như sau:

Nội dung	ĐVT	Hồ Đa Nhim		Hồ Hàm Thuận	
		2016	2017	2016	2017
Lưu lượng nước vào hồ	m <sup>3</sup> /s	27,67	39,78	40,78	56,68
Tần suất	%	20,99	3,32	79,04	28,12
Lưu lượng nước chạy máy	m <sup>3</sup> /s	17,84	25,12	37,04	57,60
Lưu lượng nước xả bình quân	m <sup>3</sup> /s	9,48	14,34	0	0
Tổng lượng nước xả qua đập	tr. m <sup>3</sup>	299,63	452,98	0	0
Mực nước hồ đầu kỳ	m	1.042,03	1.042,19	600,48	605,01
Mực nước hồ cuối kỳ	m	1.042,19	1.042,00	605,01	603,49
Suất tiêu hao nước	m <sup>3</sup> /kWh	0,56	0,56	1,53	1,54

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

### 1. Công tác vận hành sản xuất điện:

Công ty đăng ký kế hoạch sản lượng năm là 2.720 triệu kWh. Thực hiện đến ngày 31/12/2017 là 3.328 triệu kWh đạt 122,35 % so với kế hoạch năm. Chi tiết như sau:

Nội dung	ĐVT	K.hoạch 2017	T.hiện 2017	T.hiện 2016	TH/KH (%)	SS 2016 (%)
<b>Sản lượng điện sản xuất</b>	<b>Tr.kWh</b>	<b>2.720</b>	<b>3.328</b>	<b>2.281</b>	<b>122,35</b>	<b>145,90</b>
NM Đa Nhim - Sông Pha	“	1.180	1.464	1.056	124,04	138,59
NM Hàm Thuận	“	970	1.181	768	121,81	153,82
NM Đa Mi	“	570	683	457	119,78	149,50
<b>Sản lượng điện thương phẩm</b>	<b>Tr.kWh</b>	<b>2.694</b>	<b>3.306</b>	<b>2.264</b>	<b>122,72</b>	<b>146,03</b>
NM Đa Nhim - Sông Pha	“	1.169	1.454	1.048	124,34	138,75
NM Hàm Thuận	“	961	1.173	763	122,07	153,80
NM Đa Mi	“	564	679	453	120,44	149,80
<b>Sản lượng điện nhận</b>	<b>Tr.kWh</b>		<b>1,874</b>	<b>2,255</b>		<b>83,09</b>
NM Đa Nhim - Sông Pha	“		0,048	0		
NM Hàm Thuận	“		1,080	1,325		81,48
NM Đa Mi	“		0,746	0,930		80,27
<b>Tỷ lệ tổn thất MBA và điện tự dùng</b>	<b>%</b>	<b>0,99</b>	<b>0,71</b>	<b>0,85</b>	<b>71,72</b>	<b>83,71</b>
<b>Hệ số khả dụng</b>	“	<b>95,50</b>	<b>98,00</b>		<b>102,62</b>	
<b>Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng</b>	“	<b>4,00</b>	<b>1,99</b>		<b>49,75</b>	
<b>Tỷ lệ dừng máy sự cố</b>	“	<b>0,50</b>	<b>0,01</b>		<b>2,00</b>	

### 2. Sửa chữa lớn:

Công ty đăng ký kế hoạch năm 2017 là 24 hạng mục công trình với tổng giá trị là 58,463 tỉ đồng. Giá trị thực hiện trong năm là 50,5 tỉ đồng, trong đó:

+ Phát sinh 01 hạng mục công trình: Sửa chữa đường vận hành công trình hầm 3 và khu vực nhà máy Đa Nhim có giá trị là 2,25 tỉ đồng.

+ 02 hạng mục công trình thực hiện dở dang chuyển tiếp sang năm 2018:

(1) SCL công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương do mực nước hồ Đơn Dương không hạ thấp đến cao trình thi công (tạm ứng trong năm 2017 là 0,743 tỉ đồng, chuyển tiếp sang 2018 là 2,97 tỉ đồng).

(2) Đại tu tổ máy H2 Đa Nhim do lưu lượng nước về các hồ cao nên không dừng máy để sửa chữa (thanh toán trong năm 2017 là 0,976 tỉ đồng, chuyển tiếp sang năm 2018 là 1,1 tỉ đồng).

Công tác SCTX khác được thực hiện theo kế hoạch đăng ký.

*Chi tiết đính kèm phụ lục 1: Tình hình thực hiện sửa chữa lớn năm 2017.*

### **3. Công tác Đầu tư xây dựng - Đầu tư phát triển - Đầu tư tài chính:**

#### **3.1. Đầu tư xây dựng:**

##### **- Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim:**

Tình hình giải ngân của dự án như sau:

*DVT: triệu đồng*

Stt	Nguồn vốn	Khối lượng thi công			Thanh toán		
		Kế hoạch	Thực hiện	Đạt (%)	Kế hoạch	Giải ngân	Đạt (%)
<b>I</b>	<b>Năm 2017</b>	<b>495.682</b>	<b>458.716</b>	<b>92,54</b>	<b>347.548</b>	<b>355.777</b>	<b>102,37</b>
	Vốn ODA	448.814	406.851	90,65	300.680	304.104	101,14
	Vốn đối ứng	46.869	51.865	110,66	46.869	51.673	110,25

(Chi tiết đính kèm báo cáo dự án )

##### **- Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi:**

Công ty đăng ký vốn giải ngân năm 2017 là 3,47 tỉ đồng. Thực hiện năm 2017 là 3,78 tỉ đồng đạt 108,9% so với kế hoạch năm (Tỷ lệ thực hiện cao hơn so với kế hoạch do phát sinh chi phí thẩm tra BCNCKT là 473 triệu đồng).

(Chi tiết đính kèm báo cáo dự án )

##### **- Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2):**

+ Phối hợp PECC2 hiệu chỉnh Báo cáo bổ sung quy hoạch theo đề nghị của các Sở ngành tại tỉnh Ninh Thuận.

+ Làm việc với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận giải trình về sự cần thiết xây dựng và phương thức vận hành Hồ điều hoà.

+ Báo cáo UBND tỉnh Ninh Thuận về công tác chuẩn bị đầu tư Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2.

+ Làm việc với Sở KH-ĐT tỉnh Ninh Thuận đề hướng dẫn các bước đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo quy định.

+ Ký kết hợp đồng số 865/HĐTV-TV2-KH với PECC2 về việc lập Báo cáo bổ sung quy hoạch.

+ Trong năm 2017 chưa thực hiện công tác giải ngân do đang thực hiện công tác xin thoả thuận vị trí quy hoạch dự án UBND tỉnh Ninh Thuận.

Nhìn chung, công tác chuẩn bị cho Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim - Giai đoạn 2 chậm hơn so với kế hoạch năm 2017. Nguyên nhân của việc chậm trễ này do Công ty chưa đạt được thoả thuận bằng văn bản với UBND tỉnh Ninh Thuận về quy hoạch vị trí xây dựng để làm cơ sở trình Bộ Công Thương phê duyệt Báo cáo bổ sung quy hoạch cho Dự án. Công tác chuẩn bị đầu tư cho Dự án sẽ được tiếp tục tiến hành từ Quý I năm 2018.

(Chi tiết đính kèm báo cáo dự án )

### 3.2. Đầu tư phát triển:

Công ty đăng ký kế hoạch vốn là 48,6 tỉ đồng, thực hiện là 17,74 tỉ đồng, đạt 36,5% kế hoạch. Giá trị giải ngân thấp so với kế hoạch do:

+ Hợp đồng Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều tốc tổ máy H1 Hàm Thuận; Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ của tổ máy H1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận. Trong năm 2017, Công ty chỉ thực hiện tạm ứng 25% giá trị các hợp đồng, phần còn lại chuyển tiếp sang năm 2018 khoảng 28 tỉ đồng do thay đổi và điều chỉnh nội dung thiết kế, thiết bị ... sau khi nhà thầu tiến hành khảo sát tình hình thiết bị hiện hữu của nhà máy.

+ Hạng mục nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (giai đoạn 2) do thay đổi và điều chỉnh nội dung thiết kế, thiết bị nên chưa thực hiện kịp và chuyển tiếp sang năm 2018 khoảng 2,8 tỉ đồng.

+ Giá trị thực hiện mua sắm các thiết bị thấp hơn so với kế hoạch do giá trị giảm trong quá trình tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

### 3.3. Đầu tư tài chính:

Kế hoạch góp vốn năm 2017 là 11,33 tỷ đồng vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình theo kế hoạch góp vốn đã thông báo, đã thực hiện góp 6,2 tỷ đồng. Cho đến nay chưa có thông báo góp vốn thêm.

Kết quả đầu tư tài chính năm 2017 của các Công ty như sau:

- CTCP thủy điện Hạ Sông Pha chia cổ tức 8% là 8,9 tỷ đồng.
- CTCP Thủy điện A Vương chia cổ tức năm 2016 là 9,5% tương ứng 2,3 tỷ đồng tạm ứng cổ tức năm 2017 là 9%, với số tiền 2,1 tỷ đồng.
- CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ chia cổ tức năm 2016 là 16,5% tương ứng 2,1 tỷ đồng tạm ứng cổ tức năm 2017 là 9,5% với số tiền 1,2 tỷ đồng.
- CTCP Phong điện Thuận Bình đã phát điện tháng 9/2016, năm 2017 bị lỗ tỷ giá nên Công ty phải trích lập dự phòng 4,7 tỷ đồng.

Chi tiết đính kèm các phụ lục:

*Phụ lục 2: Tình hình thực hiện mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn khấu hao/đầu tư phát triển năm 2017.*

### 4. Công tác tối ưu hóa chi phí:

Trong năm 2017, Công ty đã triển khai thực hiện kế hoạch tối ưu hóa chi phí theo chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty Phát điện 1. Kết quả như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	K.hoạch	Chỉ tiêu tăng/giảm	T.hiện	Kết quả
1.	Sản lượng điện sản xuất	tỉ.kWh	2,720	+	3,327	Đạt
2.	Sản lượng điện thương phẩm	tỉ.kWh	2,694	+	3,305	Đạt
3.	Tỷ lệ tổn thất và tự dùng	%	0,99	-	0,71	Đạt

4.	Hệ số khả dụng	%	95,7	+	98,00	Đạt
5.	Tỷ lệ ngừng máy do sự cố	%	0,3	-	0,01	Đạt
6.	Tỷ lệ ngừng máy do bảo dưỡng	%	4,0	-	1,99	Đạt
7.	Doanh thu SXĐ	tỉ. đồng	1.392,5	+	1.576,3	Đạt
8.	Giá trị sửa chữa lớn	tỉ. đồng	54,5	-7,5%	50,0	Đạt (-8,25%)
9.	Giá trị tồn kho	tỉ. đồng	35,5	-3%	34,8	Không đạt (-1,9%)
10.	Chi phí	tỉ. đồng				
a)	Vật liệu	tỉ. đồng	6,6	-7,5%	5,9	Đạt (-11,1%)
b)	Dịch vụ mua ngoài	tỉ. đồng	10,5	-7,5%	7,7	Đạt (-13,6%)
c)	Chi phí bằng tiền khác	tỉ. đồng	28,1	-7,5%	25,7	Đạt (-8,8%)
11.	Đấu thầu qua mạng	%	ĐTRR,ĐTHC: $\geq 30\%$		30,8	Đạt
			CHCT: $\geq 50\%$ .		51,7	Đạt

*Ghi chú:*

Giá trị tồn kho giảm 1,93% không đạt so với kế hoạch (giảm 3%) do có nhập một số vật tư thiết bị dự phòng.

Giá trị SCL theo kế hoạch là 58,5 tỉ đồng, giá trị còn lại sau khi đã trừ phần giá trị chưa thực hiện trong năm 2017 chuyển sang 2018 khoảng 4 tỉ đồng là 54,5 tỉ đồng.

### 5. Công tác cung cấp dịch vụ:

Trong năm 2017, Công ty và Trung tâm đã ký kết 34 hợp đồng dịch vụ. Tổng giá trị hợp đồng ký kết khoảng 13,7 tỷ đồng, doanh trong năm đạt khoảng 15,9 tỷ đồng (bao gồm doanh thu hợp đồng các năm trước). Giá trị đã thanh toán và thu hồi nợ từ các hợp đồng những năm trước khoảng 19 tỷ đồng.

Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hợp đồng dịch vụ bên ngoài đã ký kết theo tiến độ của Chủ đầu tư với chất lượng cao, đảm bảo an toàn và thanh quyết toán từng phần theo hợp đồng Thủy điện Xekaman 1-Xekaman Sanxay; Thủy điện Đa Dâng; Thủy điện Hồi Xuân...

### 6. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
<b>I.</b>	<b>Hoạt động sản xuất điện</b>				
1.	Doanh thu (đã bao gồm lãi tiền gửi)	Tỉ đồng	1.449,5	1.691,8	112,8
2.	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch tỉ giá)	Tỉ đồng	898,6	894,1	99,5
3.	Lợi nhuận SXKD điện	Tỉ đồng	600,9	797,7	132,8
<b>II.</b>	<b>Hoạt động tài chính (không lãi vay)</b>				

1.	Doanh thu	Tỉ đồng	10.2	16,7	163,3
2.	Chi phí	Tỉ đồng	-	4,8	-
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	10,2	11,9	116,7
<b>III. Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)</b>					
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	8,3	16,9	201,4
2.	Chi phí	Tỉ đồng	7,5	11,8	156,5
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	0,8	5,1	605,8
<b>IV.</b>	<b>Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)</b>		<b>611,9</b>	<b>814,7</b>	<b>133,1</b>
<b>V.</b>	<b>Tỉ lệ chia cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>10</b>	<b>15</b>	<b>150,0</b>

## Phần II

### PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SXKD, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

1. Đảm bảo phát điện vào cuối năm 2018 và nghiệm thu, hoàn thành Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim trong năm 2019.
2. Đảm bảo phát điện vào cuối năm 2018 và hoàn thành dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi vào quý 2 năm 2019.
3. Hoàn chỉnh hồ sơ bổ sung quy hoạch đầu tư Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim giai đoạn 2 với công suất 80MW.
4. Tiếp tục thực hiện nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, bảo vệ cho tổ máy số 1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn nhà máy thủy điện Hàm Thuận.
5. Thực hiện kế hoạch đảm bảo nâng cao độ tin cậy, ổn định và hiệu quả các nhà máy điện.

## Phần III

### PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

#### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

##### 1. Thuận lợi:

Lưu lượng nước về các hồ chứa trong quý 1 cao hơn cùng kỳ trung bình nhiều năm tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát điện và tham gia thị trường điện; hệ thống thiết bị vận hành ổn định, tin cậy và nguồn nhân lực ổn định, có đủ trình độ chuyên môn, kinh nghiệm đáp ứng được nhu cầu công việc trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

##### 2. Khó khăn:

Khối lượng công tác đầu tư xây dựng rất lớn đặc biệt là dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim đang thực hiện thi công giai đoạn cuối; dự án điện mặt trời Đa Mi đang thực hiện lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng và tiến hành xây dựng, lắp đặt thiết bị và công tác lắp đặt, thử nghiệm hệ thống thiết bị tổ máy H1 Hàm Thuận...đòi hỏi phải tập trung nhiều nguồn lực để hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

Trên cơ sở nhận định tình hình như trên, Công ty xác định mục tiêu và các nhiệm vụ năm 2018 như sau:

#### II. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU

##### 1. Công tác sản xuất điện:

Công ty đăng ký kế hoạch sản lượng năm là 2.665 triệu kWh. Chi tiết như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665
	NM Đa Nhim - Sông Pha	“	1.162
	NM Hàm Thuận	“	940



	NM Đa Mi	“	563
<b>2.</b>	<b>Sản lượng điện thương phẩm</b>	<b>Tr.kWh</b>	<b>2.640</b>
	NM Đa Nhim - Sông Pha	“	1.151
	NM Hàm Thuận	“	932
	NM Đa Mi	“	557
<b>3.</b>	<b>Tỷ lệ tự dùng</b>	<b>%</b>	<b>0,95</b>
<b>4.</b>	<b>Hệ số khả dụng</b>	<b>%</b>	<b>95,5</b>
<b>5.</b>	<b>Tỉ lệ dừng máy sự cố</b>	<b>%</b>	<b>4,0</b>
<b>6.</b>	<b>Tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng</b>	<b>%</b>	<b>0,5</b>

Chi tiết đính kèm các phụ lục:

*Phụ lục 3: Tổng hợp kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.*

*Phụ lục 3.1: Phương thức vận hành các tổ máy năm 2018.*

*Phụ lục 3.2: Tình hình thủy văn năm 2017 và dự báo năm 2018.*

## **2. Công tác sửa chữa lớn:**

Trong năm 2018, Công ty đăng ký 16 hạng mục (14 công trình đăng ký mới và 02 hạng mục công trình chuyển tiếp) với tổng số vốn 57,43 tỉ đồng. Ngoài các hạng mục sửa chữa lớn đã được duyệt, các thiết bị còn lại cũng được đưa ra sửa chữa thường xuyên và kiểm tu theo đúng định kỳ.

*Chi tiết đính kèm phụ lục 4: Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018*

## **3. Công tác đầu tư:**

Trong năm 2018, Công ty đăng ký vốn đầu tư là 841,65 tỉ đồng, bao gồm: đầu tư xây dựng, đầu tư phát triển và đầu tư tài chính. Chi tiết như sau:

### **3.1. Đầu tư xây dựng:**

#### **3.1.1. Kế hoạch sử dụng vốn**

*Đơn vị tính: Tỉ đồng.*

STT	Nguồn vốn	Thực hiện	Giải ngân
	<b>Tổng</b>	<b>1.145,487</b>	<b>795,233</b>
1.	Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	731,245	506,621
2.	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	409,417	283,787
3.	Dự án MR NMTĐ Đa Nhim - giai đoạn 2	4,825	4,825

#### **3.1.2. Thực hiện các hạng mục chính**

##### **a) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim**

a) Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim: Đăng ký vốn giải ngân năm khoảng 506,621 tỉ đồng. *(Chi tiết đính kèm báo cáo dự án).*



b) Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim - Giai đoạn 2: Đăng ký vốn giải ngân 4,8 tỉ đồng. (Chi tiết đính kèm báo cáo dự án).

c) Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi: Đăng ký vốn giải ngân là 283,79 tỉ đồng. (Chi tiết đính kèm báo cáo dự án).

**3.2. Đầu tư phát triển:** Mua sắm máy móc, trang thiết bị khác gồm 12 hạng mục với tổng vốn là 46,42 tỉ đồng.

### **3.3. Đầu tư tài chính:**

- Năm 2018, Công ty tiếp tục góp vốn vào CTCP Phong điện Thuận Bình để đủ vốn điều lệ đã đăng ký với số tiền là 15,4 tỷ đồng theo nghị quyết của Hội đồng quản trị TBW số 01/2018/NQ-TBW-HĐQT ngày 26/02/2018.

Chi tiết đính kèm các phụ lục:

*Phụ lục 5: Kế hoạch mua sắm TSCĐ bằng nguồn vốn KHCB/ĐTPT năm 2018.*

### **4. Tối ưu hóa chi phí:**

Căn cứ vào các chỉ tiêu TUHCP năm 2018 của Tổng Công ty, Công ty xây dựng các chỉ tiêu TUHCP năm 2018 để triển khai thực hiện.

*Chi tiết đính kèm phụ lục 6: Kế hoạch tối ưu hóa chi phí năm 2018.*

### **5. Hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
<b>I.</b>	<b>Hoạt động sản xuất điện</b>		
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	1.589,5
2.	Chi phí	Tỉ đồng	929,4
3.	Lợi nhuận SXKD điện	Tỉ đồng	660,1
<b>II.</b>	<b>Hoạt động tài chính</b>		
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	15,9
2.	Chi phí	Tỉ đồng	0
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	15,9
<b>III.</b>	<b>Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)</b>		
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	10,3
2.	Chi phí	Tỉ đồng	9,3
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	1,0
<b>IV.</b>	<b>Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)</b>	Tỉ đồng	<b>677,0</b>
<b>V.</b>	<b>Tỉ lệ chia cổ tức</b>	%	10

*Chi tiết đính kèm các phụ lục:*

*Phụ lục 7: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2017 và kế hoạch năm 2018.*

*Phụ lục 7.1: Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2017 và kế hoạch năm 2018.*

## **II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2018**

### **1. Mục tiêu:**

Đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy các tổ máy phát điện, thiết bị, hệ thống công trình; thực hiện tốt các chỉ số hiệu quả vận hành như tỷ lệ điện tự dùng, hệ số khả dụng, tỷ lệ dừng máy sự cố và tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng.

Hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện, kế hoạch doanh thu, chi phí và lợi nhuận; đảm bảo tỷ lệ cỏ tức theo kế hoạch đề ra.

Vận hành tối ưu các hồ chứa, tích nước các hồ chứa đạt mực nước cao nhất vào cuối năm.

Thực hiện các giải pháp để đạt được các chỉ tiêu trong đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; kế hoạch tối ưu hóa; chương trình thực hành tiết kiệm và chống lãng phí của Công ty.

Đảm bảo khối lượng, chất lượng và tiến độ các dự án đầu tư xây dựng, đầu tư phát triển; Đảm bảo Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim và dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi phát điện vào cuối năm 2018.

Nâng cao năng lực quản trị và chất lượng nguồn nhân lực trong Công ty. Tổ chức sắp xếp nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng xuất lao động. Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực để vận hành an toàn nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng và nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

Bảo vệ tốt môi trường, an toàn trong lao động, không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố cháy, nổ.

### **2. Nhiệm vụ và giải pháp:**

Tăng cường kỷ luật trong quản lý vận hành và quản lý kỹ thuật; đảm bảo các tổ máy phát điện ở trạng thái sẵn sàng tham gia phát điện; đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản lượng điện và các chỉ tiêu tài chính đề ra:

Phân công, theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống thiết bị, công trình; có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng và các phương án xử lý sự cố; xử lý nhanh chóng, chính xác các sự cố khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố chủ quan.

Nâng cao chất lượng SCL từ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống thiết bị, công trình.. Tổ chức BDSC công trình kiểu mẫu để rút kinh nghiệm và nhân rộng.

Tiếp tục tổ chức, nâng cao chất lượng đào tạo cho lực lượng vận hành, sửa chữa; cán bộ quản lý, kỹ thuật...có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu vận hành và sửa chữa hệ thống thiết bị.

Tích cực tham gia thị trường điện, thực hiện chào giá hiệu quả nhằm tăng thêm doanh thu từ thị trường điện.

Phối hợp Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du trong mùa khô 2018.

Thực hiện tốt công tác nâng cao hiệu quả SXKD và NSLĐ; tối ưu hóa chi phí và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Quản lý chặt chẽ lực lượng lao động; bố trí, phân bổ lực lượng lao động hợp lý, phù hợp với công việc để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong BDSC.

Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; tổ chức mua sắm tập trung; tổ chức đấu thầu/chào hàng rộng rãi, hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp trong công tác đấu thầu mua sắm VTTB.

Quản lý hiệu quả các dự án, hoàn thành các mốc tiến độ các dự án đầu tư xây dựng, đầu tư phát triển theo kế hoạch đề ra:

Đầu tư và kiểm soát có hiệu quả các dự án; nâng cao chất lượng quản lý các công trình đầu tư xây dựng, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, quy định, đúng tiến độ.

Nâng cao chất lượng của Ban QLDA.

+ Đối với Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim phối hợp với TVGS theo dõi chặt chẽ về tiến độ thực hiện các hạng mục của các gói thầu; thường xuyên nhắc nhở, đánh giá, phân tích và đưa các giải pháp khắc phục trong các cuộc họp định kỳ giữa Ban QLDA, TVGS và các nhà thầu, đẩy nhanh tiến độ các hạng mục bị chậm của dự án. Để đảm bảo đưa tổ máy H5 Đa Nhim vào vận hành vào cuối năm 2018.

+ Đối với dự án điện mặt trời Đa Mi: Tập trung mọi nguồn nhân lực để đẩy nhanh công tác đánh giá, lựa chọn nhà thầu và hoàn thiện, ký kết hợp đồng để kịp tiến độ lắp đặt đề ra.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị của Công ty:

+ Tổ chức đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực khác nhau, có năng lực giải quyết công việc ở nhiều lĩnh vực khó và mới.

+ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

+ Tổ chức đánh giá hiệu quả công việc trong Công ty theo hệ thống KPI đã xây dựng.

Thực hiện rà soát, hiệu chỉnh, sửa đổi và ban hành mới các quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn công việc theo yêu cầu nhiệm vụ và đúng quy định của ngành và pháp luật hiện hành. Nghiêm túc thực hiện các quy định quản lý nội bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

Thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và PCLB; bảo đảm trật tự, an ninh khu vực:

Tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị, công trình; phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận thực hiện tốt kế hoạch công tác phòng chống lụt bão.

Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2018 của Công ty.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- ĐHĐCĐ thường niên 2018;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, KHVT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Quang**

**Phụ lục 1: Báo cáo tình hình sửa chữa lớn năm 2017**

STT	Danh mục công trình	Năm 2017		Tỷ lệ thực	Ghi chú
		Kế hoạch	Thực hiện		
<b>II</b>	<b>SỬA CHỮA LỚN</b>	<b>58.463</b>	<b>50.523</b>	<b>86,42</b>	
1	Đại tu Tổ máy H2 Hàm Thuận	1.850	1.892	102,27	Hoàn tất
2	Trung tu Tổ máy H1 Đa Mi	1.965	1.098	55,88	Hoàn tất
3	Đại tu Tổ máy H2 Đa Nhim	2.064	976	47,29	Đang thực hiện. Chuyển tiếp 2018
4	Trung tu kết hợp thay thế bánh xe công tác tổ máy số 3 Đa Nhim	1.563	9.948	636,47	Hoàn tất
5	Đại tu Tổ máy H1 Sông Pha	3.222	2.218	68,84	Hoàn tất
6	Đại tu Tổ máy H3 Sông Pha	2.702	2.706	100,15	Hoàn tất
7	Trung tu hệ thống thiết bị đập tràn Hàm Thuận	770	565	73,38	Hoàn tất
8	Trung tu hệ thống thiết bị cửa nhận nước Đa Mi	777	828	106,56	Hoàn tất
9	Trung tu hệ thống thiết bị đập tràn, cửa nhận nước Đa Nhim	897	807	89,97	Hoàn tất
10	Trung tu xuất tuyến 230kV – 110kV Hàm Thuận – Đa Mi	2.471	1.341	54,27	Hoàn tất
11	Trung tu trạm và đường dây 22kV Hàm Thuận – Đa Mi	981	808	82,36	Hoàn tất
12	Trung tu hệ thống điện 1 chiều Hàm Thuận – Đa Mi	660	558	84,55	Hoàn tất
13	Trung tu hệ thống cầu trục gian máy, máy công cụ, máy lọc dầu Hàm Thuận – Đa Mi	742	672	90,57	Hoàn tất
14	Trung tu hệ thống thông tin liên lạc – thủy văn – mạng máy tính Hàm Thuận – Đa Mi – Bảo Lộc	2.153	2.114	98,19	Hoàn tất
15	Trung tu hệ thống cầu trục gian máy, máy công cụ, máy lọc dầu Đa Nhim – Sông Pha	999	778	77,88	Hoàn tất
16	Trung tu hệ thống nước kỹ thuật Đa Nhim, hệ thống chữa cháy Đa Nhim – Sông Pha	1.962	1.533	78,13	Hoàn tất
17	Trung tu hệ thống điện tự dung AC, DC, chiếu sáng Đa Nhim – Sông Pha	1.936	2.003	103,46	Hoàn tất
18	SCL công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận	3.223	3.173	98,45	Hoàn tất
19	SCL công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Đa Mi	1.847	1.805	97,73	Hoàn tất
20	SCL nhà ăn ca, nhà năng lượng Đa Nhim và Sông Pha, nhà trực vận hành khu vực nhà máy Đa Nhim - Sông Pha	2.888	2.743	94,98	Hoàn tất
21	SCL nhà văn phòng và nhà trực vận hành khu vực nhà máy Hàm Thuận - Đa Mi	2.120	2.050	96,70	Hoàn tất

22	SCL công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	3.758		-	Đang thực hiện, đã tạm ứng 20% giá trị HĐ, chuyển tiếp sang năm 2018
23	Sửa chữa đường vận hành công trình hầm 3 và khu vực nhà máy Đa Nhim		2.044		Hoàn tất
24	Sửa chữa lớn các xe ô tô	660	139	21,06	Hoàn tất
25	Phân bổ chi phí bánh xe công tác	16.253	7.724	47,52	Hoàn tất

Ghi chú:

Giá trị phân bổ chi phí bánh xe công tác thực hiện chỉ phân bổ 01 bánh xe công tác nên giá trị thực hiện thấp và 01 bánh xe công tác đưa vào hạng mục Trung tu kết hợp thay thế bánh xe công tác tổ máy số 3 Đa Nhim nên giá trị thực hiện cao so với kế hoạch

**Phụ lục 2: Thực hiện kế hoạch mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn KH/ĐTPT năm 2017**

Stt	Hạng mục công trình	KH năm 2017	TH năm 2017	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>	<b>412.197</b>	<b>383.501</b>	
<b>A</b>	<b>Đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển</b>	<b>400.867</b>	<b>377.301</b>	
<b>I</b>	<b>Đầu tư xây dựng</b>	<b>352.282</b>	<b>359.557</b>	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	347.549	355.777	
2	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2)	1.260		
3	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	3.473	3.780	
<b>II</b>	<b>Đầu tư phát triển</b>	<b>48.585</b>	<b>17.744</b>	
1	Nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, bảo vệ cho tổ máy số 1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn nhà máy thủy điện Hàm Thuận (giai đoạn 2)	38.032	10.659	Năm 2017 chỉ tạm ứng 25%, phần còn lại chuyển tiếp qua năm 2018 giải ngân
2	Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (giai đoạn 2)	2.800		Chuyển tiếp năm 2018
3	Máy cắt đầu cực (02 máy)	3.000	3.063	Hoàn tất
4	Máy đo hiện sóng: đo công suất và đo sóng hài	140	150	Hoàn tất
5	Máy đo nội trở Accu-Battery Hitester	115	123	Hoàn tất
6	Máy đo độ rung	70	87	Hoàn tất
7	Máy đo điện trở cuộn dây các động cơ	70	64	Hoàn tất
8	Máy đo cường độ điện trường	250		Chuyển tiếp năm 2018
9	Máy cân bằng động	580	407	Hoàn tất
10	Máy chụp hình	70	60	Hoàn tất
11	Bơm hút chân không	254	223	Hoàn tất
12	Máy chụp ảnh nhiệt	254	240	Hoàn tất
13	Máy photocopy	250	163	Hoàn tất
14	Xe ô tô	2.700	2.505	Hoàn tất
<b>B</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>11.330</b>	<b>6.200</b>	
1	Góp vốn vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình	11.330	6.200	





**Phụ lục 3.1: Phương thức vận hành các tổ máy năm 2018**

STT	Thiết bị VH	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Ghi chú
<b>I Nhà máy Đa Nhim</b>														
1	Tổ máy H1							Đại tu 10 ngày 18/07-						
2	Tổ máy H2						BD 10 ngày 20/06-29/06							
3	Tổ máy H3								BD 5 ngày 16/08-20/08					
4	Tổ máy H4							BD 05 ngày 05/07-09/07						
<b>II Nhà máy Sông Pha</b>														
1	Tổ máy H1						BD 08 ngày 18/06-25/06							
2	Tổ máy H2								BD 08 ngày 14/08-21/08					
3	Tổ máy H3								BD 08 ngày 22/08-30/08					
4	Tổ máy H4								BD 08 ngày 01/08-08/08					
5	Tổ máy H5							ĐT 25 ngày 05/7-30/7						
<b>III Nhà máy Hàm Thuận</b>														
1	Tổ máy H1					BD 21 ngày 23/4-13/5								
2	Tổ máy H2							BD 10 ngày 02/7-11/7						
<b>IV Nhà máy Đa Mi</b>														
1	Tổ máy H1					BD 20 ngày 23/4-12/5								
2	Tổ máy H2							ĐT 20 ngày 02/7-21/7						

**Phụ lục 3.2: Tình hình thủy văn năm 2017 và dự báo năm 2018**  
**Nhà máy thủy điện Đa Nhim**

Tháng	Nước về thực tế năm 2017		Dự báo nước về năm 2018			Tần suất chọn tương đương 50%
	Q về (m3/s)	Tần suất (%)	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	
1	41,02		13,21	11,42	7,61	23,58
2	23,84		7,93	6,14	2,33	13,19
3	12,95		6,29	4,50	2,69	11,20
4	16,80		8,51	6,72	2,91	7,30
5	46,17		15,34	13,55	7,74	13,03
6	40,00		17,83	16,04	12,23	15,53
7	32,08		17,98	16,19	12,38	17,66
8	39,14		19,26	17,47	13,66	17,59
9	43,08		29,85	28,06	24,25	30,22
10	48,06		43,89	42,10	38,29	40,09
11	79,08		41,94	40,15	36,34	34,93
12	55,27		28,77	26,98	23,17	21,84
<b>Trung bình</b>	<b>39,78</b>		<b>20,90</b>	<b>19,11</b>	<b>15,30</b>	<b>20,51</b>

**Nhà máy thủy điện Hàm Thuận**

Tháng	Nước về thực tế năm 2017		Dự báo nước về năm 2018			Tần suất chọn tương đương 65%
	Q về (m3/s)	Tần suất (%)	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	
1	18,65		15,13	12,78	9,68	19,77
2	21,30		8,15	7,71	5,94	13,95
3	15,75		6,61	5,48	3,12	14,66
4	31,22		9,90	7,56	3,98	7,44
5	56,83		16,77	12,05	4,93	11,40
6	56,06		31,90	25,42	19,26	27,70
7	93,94		80,20	62,43	47,56	58,04
8	90,01		112,52	107,75	98,78	98,72
9	78,48		121,63	116,86	108,89	121,15
10	116,82		116,24	111,47	103,50	112,03
11	72,50		60,10	55,51	45,36	56,27
12	28,57		25,80	22,72	13,06	25,89
<b>Trung bình</b>	<b>56,68</b>		<b>50,41</b>	<b>45,64</b>	<b>38,67</b>	<b>47,25</b>

**Phụ lục 4: Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018**

Đơn vị tính: Triệu đồng (Chưa có VAT)

STT	Tên danh mục	Giá trị dự toán	KH năm 2018	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>58.408</b>	<b>57.432</b>	
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp từ năm 2017</b>	<b>5.779</b>	<b>4.803</b>	
1	SCL công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	3.715	3.715	Đã tạm ứng năm 2017 20% giá trị HD
2	Đại tu tổ máy H2 Đa Nhim	2.064	1.088	Đã thực hiện năm 2017 là 976 tr.đồng
<b>II</b>	<b>Công trình đăng ký mới năm 2018</b>	<b>52.629</b>	<b>52.629</b>	
	<b>Thiết bị công nghệ</b>	<b>43.706</b>	<b>43.706</b>	
1	Đại tu tổ máy H2 Đa Mi	2.391	2.391	
2	Đại tu tổ máy H1 Đa Nhim	5.472	5.472	
3	Đại tu tổ máy H5 Sông Pha	4.310	4.310	
4	Trung tu hệ thống thiết bị phụ dịch Hàm Thuận - Đa Mi	1.066	1.066	
5	Trung tu hệ thống thiết bị điện và nước khu văn phòng Bảo Lộc	3.894	3.894	
6	Trung tu trạm phân phối 220kV & 110kV Đa Nhim - Sông Pha	1.784	1.784	
7	Trung tu hệ thống thiết bị trạm và đường dây 22kV, 6,6kV Đa Nhim - Đập tràn Đơn Dương	1.263	1.263	
8	Trung tu Hệ thống thiết bị Thông tin, Thủy văn, Cảnh báo, Mạng máy tính, Camera	4.988	4.988	
9	Phân bổ chi phí BXCT	18.538	18.538	
	<b>Công trình thủy công và xây dựng</b>	<b>8.923</b>	<b>8.923</b>	
10	SCL công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi	3.832	3.832	
11	SCL công trình thủy công khu vực hạ lưu đập Đơn Dương	370	370	
12	Sửa chữa Nhà trực vận hành và sửa chữa khu vực Đa Nhim - Sông Pha	2.256	2.256	
13	Sửa chữa nhà trực vận hành khu vực nhà máy Hàm Thuận - Đa Mi	2.135	2.135	
14	Sửa chữa lớn các xe ô tô	330	330	

**Phụ lục 5: Kế hoạch mua sắm tài sản cố định bằng nguồn vốn khấu hao/đầu tư phát triển năm 2018**

Stt	Hạng mục công trình	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	<b>TỔNG CỘNG (A+B)</b>				<b>857.050</b>	
<b>A</b>	<b>Đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển</b>				<b>841.650</b>	
<b>I</b>	<b>Đầu tư xây dựng</b>			-	<b>795.233</b>	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA			506.621	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>				447.641	
	<i>Vốn đối ứng</i>				58.980	
2	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2)	DA			4.825	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>				-	
	<i>Vốn đối ứng</i>				4.825	
3	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA			283.787	Dự án nhiều năm
	<i>Vốn vay</i>				193.028	
	<i>Vốn đối ứng</i>				90.759	
<b>II</b>	<b>Đầu tư phát triển</b>				<b>46.417</b>	
1	Nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, bảo vệ cho tổ máy số 1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn nhà máy thủy điện Hàm Thuận	HT	1		29.497	
	<i>Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều tốc tổ máy H1 Hàm Thuận</i>				9.886	<i>Chuyển tiếp từ năm 2017. Giá trị hợp đồng 13.181 triệu đồng, tạm ứng trong năm 2017 là 25% giá trị hợp đồng là 3.295 triệu đồng.</i>
	<i>Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ tổ máy H1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận</i>				19.187	<i>Chuyển tiếp từ năm 2017. Giá trị hợp đồng 25.582 triệu đồng, tạm ứng trong năm 2017 25% giá trị hợp đồng là 6.396 triệu đồng.</i>
	<i>Lập hồ sơ thiết kế, hiệu chỉnh lại thoả thuận hệ thống SCADA/EMS Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi sau khi chuyển đổi truyền tín hiệu từ RTU sang sử dụng gateway theo IEC 60870.5.104</i>				425	

2	Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (giai đoạn 2)	HT	1		11.850	Chuyển tiếp từ 2017
3	Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận	HT	1	2.500	2.500	Thực hiện theo yêu cầu Giấy phép khai thác nước mặt
4	Máy đo tỷ số biến	Máy	1	298	298	
5	Máy đo điện trở tiếp xúc	Máy	1	250	250	
6	Máy tạo nhiệt độ chuẩn	Máy	1	240	240	
7	Máy đo điện trở cách điện (Megger)	Máy	1	120	120	
8	Bơm nước di động (02 cái)	cái	2	150	300	
9	Máy hàn TIG 2200i AC/DC	máy	1	100	100	
10	Máy đột lỗ thủy lực 2 chiều	máy	1	163	163	
11	Bám đầu cose thủy lực	bộ	1	75	75	
12	Máy đo cường độ điện trường	máy	1	236	236	Chuyển tiếp từ năm 2017. Hoàn tất
13	Máy phân tích đáp ứng tần số máy biến thế (FRA)	máy	1	788	788	
<b>B</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>				<b>15.400</b>	
1	Góp vốn vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình				15.400	

*Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT*

**Phụ lục 6: Kế hoạch tối ưu hóa chi phí năm 2018**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2018	Tỷ lệ giảm (%)	Chỉ tiêu tối ưu hóa (giảm)	KH sau tối ưu hóa
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665	Tăng	-	
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640	Tăng	-	
3	Tỷ lệ tổn thất và tự dùng	%SL	0,95	Giảm	-	
4	Hệ số khả dụng	%	95,5	Tăng	-	
5	Tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	4,0	Giảm	-	
6	Tỉ lệ dừng máy sự cố	%	0,5	Giảm	-	
7	Giá bán điện bình quân	đ/kWh	550,56	Tăng	-	
8	Doanh thu SXĐ	Tr.đồng	1.453.478	Tăng		
9	Chi phí SCL	Tr.đồng	57.432	Giảm 7,5	4.307	53.125
10	Giá trị tồn kho (giảm 3% so với tồn kho đầu năm 2018)	Tr.đồng		Giảm 3	0	0
11	Đấu thầu qua mạng	Gói thầu	ĐTRR, ĐTHC: $\geq 40\%$ CHCT: $\geq 50\%$ .			
12	Chi phí	Tr.đồng				
12.1	Vật liệu	Tr.đồng	6.922	Giảm 7,5	519	6.403
12.2	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	10.173	Giảm 7,5	763	9.410
12.3	Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	29.296	Giảm 7,5	2.197	27.099



**Phụ lục 7: Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2017 và kế hoạch năm 2018**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KH năm 2017	Thực hiện năm 2017	SS TH/KH	KH năm 2018
<b>I</b>	<b>Hoạt động sản xuất điện</b>					
1	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)		1.499.498	1.691.808	112,8%	1.589.478
2	Chi phí (bao gồm các khoản tăng giảm giá điện)	Tr.đồng	898.609	894.124	99,5%	929.415
3	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	Tr.đồng	600.889	797.684	132,8%	660.063
<b>III</b>	<b>Hoạt động tài chính (không lãi vay)</b>	<b>Tr.đồng</b>				
1	Doanh thu	Tr.đồng	10.250	16.738	163,3%	15.947
2	Chi phí	Tr.đồng	-	4.773		-
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	10.250	11.965	116,7%	15.947
<b>III</b>	<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)</b>					
1	Doanh thu	Tr.đồng	8.392	16.900	201,4%	10.350
2	Chi phí	Tr.đồng	7.553	11.819	156,5%	9.315
3	Lợi nhuận HĐ khác	Tr.đồng	839	5.081	605,6%	1.035
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng lợi nhuận</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>611.978</b>	<b>814.730</b>	<b>133,13%</b>	<b>677.045</b>

**Phụ lục 7.1: Tình hình thực hiện kế hoạch tài chính năm 2017 và kế hoạch năm 2018**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KH 2017	Thực hiện 2017	SS TH/KH	KH 2018
<b>I</b>	<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh điện</b>					
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.720	3.327,9	122,3%	2.665,0
2	Tự dùng		26	25	96,6%	25,0
3	Sản lượng điện giao, bán cho EVN			0,753%		99,062%
4	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.694	3.305,3	122,7%	2.640,0
5	Giá bán điện bình quân	đ/kWh	<b>516,88</b>	<b>476,90</b>	92,3%	<b>565,71</b>
6	Doanh thu	Tr.đồng	<b>1.392.498</b>	<b>1.576.312</b>	113,2%	<b>1.493.478</b>
7	Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)	Tr.đồng	<b>107.000</b>	<b>115.496</b>	107,9%	<b>96.000</b>
8	Chi phí	Tr.đồng	<b>808.943</b>	<b>843.050</b>	104,2%	<b>861.904</b>
	Vật liệu	Tr.đồng	6.592	5.859	88,9%	6.922
	Lương và BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đồng	81.770	80.553	98,5%	97.680
	- Lương	Tr.đồng	74.608	73.761	98,9%	82.708
	- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đồng	6.610	6.401	96,8%	14.696
	- Thù lao HĐQT & BKS	Tr.đồng	552	391	70,8%	276
	Khấu hao TSCĐ (Chưa tính tới việc đánh giá lại TS)	Tr.đồng	289.458	287.962	99,5%	271.872
	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	10.534	7.720	73,3%	10.173
	- Chi phí mua điện	Tr.đồng	3.840	2.901	75,5%	3.144
	- Các khoản DVMN khác	Tr.đồng	6.694	4.819	72,0%	7.029
	Chi phí SCL	Tr.đồng	58.465	50.522	86,4%	57.432
	Chi phí bằng tiền	Tr.đồng	362.124	410.434	113,3%	417.826
	- Thuế tài nguyên	Tr.đồng	234.056	269.175	115,0%	227.126
	- Phí dịch vụ MTR	Tr.đồng	53.881	69.576	129,1%	95.040
	- Phí cấp tiền khai thác tài nguyên nước			5.721		30.697
	- Tiền thuê đất	Tr.đồng	2.480	737	29,7%	1.893
	- Lãi tiền vay	Tr.đồng	41.051	37.233	90,7%	31.200
	- Ăn ca	Tr.đồng	2.365	2.287	96,7%	2.425
	- Dự phòng TCMVL	Tr.đồng	144	41	28,5%	150
	- Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	28.147	25.664	91,2%	29.296
<b>9</b>	<b>Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>690.555</b>	<b>848.758</b>	122,9%	<b>727.574</b>
<b>10</b>	<b>Các khoản tăng, giảm giá thành điện</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>(89.666)</b>	<b>(51.074)</b>	57,0%	<b>(67.511)</b>
	Chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	(89.766)	(51.440)	57,3%	(67.511)
	- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	Tr.đồng	(22.849)	(22.849)	100,0%	
	- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Tr.đồng	(66.917)	(28.591)	42,7%	<b>(67.511)</b>
	Giảm giá thành từ khoản thu về cho thuê cột điện	Tr.đồng		-		
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi	Tr.đồng		-		
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	Tr.đồng	<b>100</b>	366	366,0%	-

<b>11</b>	<b>Lợi nhuận SXKD điện (sau tăng, giảm các khoản trên)</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>600.889</b>	<b>797.684</b>	<b>132,8%</b>	<b>660.063</b>
<b>12</b>	<b>Giá thành điện bình quân</b>	<b>đ/kWh</b>	<b>333,6</b>	<b>270,5</b>	<b>81,1%</b>	<b>352,1</b>
<b>13</b>	<b>Hoạt động tài chính (không lãi vay)</b>	<b>Tr.đồng</b>		-		
	Doanh thu	Tr.đồng	10.250	16.738	163,3%	15.947
	- Thu lợi nhuận từ cty cổ phần	Tr.đồng	10.250	16.738	163,3%	15.947
	- Lãi và phí cho vay lại	Tr.đồng		-		
	Chi phí	Tr.đồng	-	4.773		-
	Lợi nhuận	Tr.đồng	<b>10.250</b>	<b>11.965</b>	<b>116,7%</b>	<b>15.947</b>
<b>III</b>	<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)</b>			-		
	Doanh thu	Tr.đồng	8.392	16.900	201,4%	10.350
	- Doanh thu dịch vụ	Tr.đồng	8.392	16.306	194,3%	10.350
	- Thu nhập khác	Tr.đồng	-	594		-
	Chi phí	Tr.đồng	7.553	11.819	156,5%	9.315
	- Chi phí dịch vụ	Tr.đồng	7.553	11.782	156,0%	9.315
	- Chi phí khác	Tr.đồng	-	37		-
	Lợi nhuận HĐ khác	Tr.đồng	839	5.081	605,6%	1.035
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng lợi nhuận</b>	<b>Tr.đồng</b>	<b>611.978</b>	<b>814.730</b>	<b>133,1%</b>	<b>677.045</b>

Số: /BC-TĐĐHĐ

Lâm Đồng, ngày tháng 04 năm 2018

**DỰ THẢO BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÔNG TY 2017 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG  
NĂM 2018**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về kết quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị năm 2017 và phương hướng hoạt động năm 2018 như sau:

**Phần I**

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2017 ngày 14 tháng 06 năm 2017, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua những khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty đã duy trì nhiều năm qua, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.720	3.328
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.694	3.306
3.	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1.518,1	1.725,4
4.	Tổng chi phí	Tỷ.đ	906,2	910,7
5.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	611,9	814,7
6.	Cổ tức	%	10%	18%

Tình hình thủy văn năm 2017 thuận lợi nên kết quả sản xuất kinh doanh đạt tốt. Tổng lợi nhuận trong năm 2017 là 814,7 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện là 797,7 tỷ đồng, đạt 132,8% so với kế hoạch. Mức cổ tức dự kiến là 18%, cổ tức năm 2017 phân phối từ lợi nhuận năm 2017 và lợi nhuận để lại từ các năm trước.

Thực hiện hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu khác trong kế hoạch năm 2017:

- Các tổ máy, thiết bị, công trình vận hành an toàn, ổn định, tin cậy, sẵn sàng phát điện khi có yêu cầu;

- Công tác SCL: Công ty hoàn thành 22/24 hạng mục công trình với tổng giá trị thực hiện trong năm là 50,5 tỉ đồng, trong đó:

+ Phát sinh 01 hạng mục công trình: Sửa chữa đường vận hành công trình hầm 3 và khu vực nhà máy Đa Nhim có giá trị là 2,25 tỉ đồng.

+ 02 hạng mục công trình thực hiện dở dang chuyển tiếp sang năm 2018:

(1) SCL công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương do mực nước hồ Đơn Dương không hạ thấp đến cao trình thi công (tạm ứng trong năm 2017 là 0,743 tỉ đồng, chuyển tiếp sang 2018 là 2,97 tỉ đồng).

(2) Đại tu tổ máy H2 Đa Nhim do lưu lượng nước về các hồ cao nên không dùng máy để sửa chữa (thanh toán trong năm 2017 là 0,976 tỉ đồng, chuyển tiếp sang năm 2018 là 1,1 tỉ đồng).

+ Giá trị sửa chữa lớn giảm nhiều do Công ty thực hiện tiết giảm chi phí trong công tác đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị và chi phí nhân công giảm do tiến độ thực hiện sửa chữa được đẩy nhanh, rút ngắn.

- Công tác đầu tư xây dựng:

+ Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Kế hoạch giải ngân là 347,5 tỷ đồng, thực hiện giải ngân là 355,7 tỷ đồng đạt 102,4%. Công ty đã làm việc với nhà thầu và các cơ quan chức năng liên quan để rút ngắn thời gian lập hồ sơ và thủ tục thanh toán để đẩy nhanh tiến độ giải ngân.

+ Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Kế hoạch giải ngân là 1,2 tỷ đồng. Trong năm 2017 chưa giải ngân, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bổ sung quy hoạch trong năm 2018.

+ Dự án điện mặt trời Đa Mi: Kế hoạch giải ngân là 3,4 tỷ đồng, thực hiện giải ngân 3,7 tỷ đồng đạt 108,8%. Tỷ lệ thực hiện cao hơn so với kế hoạch do phát sinh chi phí thẩm tra BCNCKT là 473 triệu đồng.

- Công tác đầu tư phát triển: Công ty đăng ký kế hoạch vốn là 48,6 tỉ đồng, thực hiện là 17,04 tỉ đồng, đạt 35,1% kế hoạch, nguyên nhân do:

+ Giá trị giải ngân thấp so với kế hoạch do hợp đồng cung cấp, lắp đặt hệ thống điều tốc tổ máy H1 Hàm Thuận; Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ của tổ máy H1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận chỉ thực hiện tạm ứng 25% giá trị các hợp đồng, phần còn lại chuyển tiếp sang năm 2018 khoảng 28 tỉ đồng do thay đổi và điều chỉnh nội dung thiết kế, thiết bị; Hạng mục nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (giai đoạn 2) do thay đổi và điều chỉnh nội dung thiết kế, thiết bị nên chưa thực hiện kịp và chuyển tiếp sang năm 2018 khoảng 2,8 tỉ đồng;

+ Giá trị thực hiện mua sắm các thiết bị thấp hơn so với kế hoạch do giá trị giảm trong quá trình tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu.

- Công tác đầu tư tài chính: Thực hiện góp vốn 6,2 tỷ đồng so với kế hoạch 11,33 tỷ đồng đạt 54,7% kế hoạch;

- Công tác PCLB, ATVSLĐ-PCCN, bảo vệ môi trường: Thực hiện nghiêm túc theo các quy trình, quy định. Trong năm không để xảy ra vi phạm hoặc mất an toàn nào;

- Công tác cung cấp dịch vụ kỹ thuật: Doanh thu thực hiện 16,3 tỷ đồng, tăng 8,5 tỷ đồng so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 5 tỷ đồng;

- Công tác quản lý vật tư: Đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Giá trị tồn kho cuối năm 2017 giảm 1,93% không đạt so với kế hoạch (giảm 3%) do có nhập một số vật tư thiết bị dự phòng.

## **2. Chạm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2017:**

HDQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.

## **3. Thực hiện chi trả thù lao và quỹ thưởng Ban điều hành:**

HDQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 6 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.

## **4. Phân phối lợi nhuận 2016:**

HDQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 7 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.

## **5. Các nhiệm vụ khác:**

HDQT đã chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi và Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim (giai đoạn 2) theo Điều 9 và Điều 10 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017.

## **II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT**

### **1. Các cuộc họp HDQT và lấy ý kiến thành viên HDQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền:**

HDQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HDQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Năm 2017, Công ty đã thực hiện 05 cuộc họp HDQT và 26 cuộc họp khác bằng cách lấy phiếu ý kiến để thực hiện các nghị quyết đại hội, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; hoạch định kế hoạch kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề về đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. Đã ký ban hành 14 nghị quyết và 27 quyết định, trong đó:

- 06 nghị quyết thông qua nội dung phiên họp.

- 08 nghị quyết liên quan đến dự án đầu tư và góp vốn, tạm ứng cổ tức...

- 10 quyết định liên quan đến công tác tổ chức nhân sự, tiền lương...

- 17 quyết định thực hiện nội dung nghị quyết cuộc họp HDQT, phê duyệt các nội dung liên quan đến dự án đầu tư, ban hành quy chế...

- Sửa đổi bổ sung và ban hành mới 18 quy chế, quy định nội bộ phục vụ yêu cầu quản lý Công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành như quy chế quản lý tài chính, quy chế về mối quan hệ làm việc và phân cấp giữa Chủ tịch HDQT và TGD Công ty,....

(Chi tiết nội dung các nghị quyết, quyết định, quy chế ban hành trong năm 2017 theo phụ lục đính kèm)

### **2. Chi trả cổ tức năm 2016:**

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông với tỷ lệ 10%.

### 3. Công tác phối hợp Ban kiểm soát

Phối hợp tốt với Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

### 4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Năm 2017 HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới từ ngày 01/07/2017, đã thực hiện đăng ký lại giấy chứng nhận doanh ký doanh nghiệp do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

- Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ dự án đầu tư và các hoạt động khác của đơn vị để HĐQT có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Bên cạnh Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc còn có các cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có năng lực và tinh thần trách nhiệm với công việc. Trong Công ty có sự đoàn kết nội bộ và sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện tạo tiền đề giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã giao.

- Chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện đăng ký giao dịch trên sàn Upcom, thực hiện công bố thông tin theo quy định của UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, mã chứng khoán của Công ty là DNH.

### III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền lợi liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017. Các chỉ tiêu cơ bản về tình hình tài chính của Công ty:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,15	6,97
	+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,02	6,83
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,8	32,8
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	30,0	24,7
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	24,4	21,4
	+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	17,5	24,8
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/			



	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	31,57	37,81
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,97	12,19
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,23	9,39
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	44,2	51,1

Qua các chỉ tiêu về tài chính như trên thể hiện tình hình tài chính của Công ty tốt, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Công ty có đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, Tổng Công ty Phát điện 1 và người lao động trong Công ty, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Căn cứ điều lệ Công ty và các quy chế quản lý điều hành Công ty, HĐQT đã thường xuyên kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT cũng đã tham gia vào những hoạt động quan trọng về chiến lược kinh doanh, cơ chế làm việc và một số vấn đề kinh doanh khác.

Hoạt động của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp, kịp thời; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng giám đốc.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận của các cổ đông.

Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định về nội dung.

## **Phần II**

### **PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO**

#### **1. Mục tiêu**

Đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ.

Hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh điện 2018 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Sản lượng điện: 2.665 triệu kWh,
- Tổng doanh thu: 1.615,7 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 677,0 tỷ đồng.

Thực hiện dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim đảm bảo khối lượng, chất lượng và phát điện vào cuối năm 2018; đảm bảo tiến độ dự án điện mặt trời Đa Mi

Hoàn thành tốt công tác kiểm tra, bảo dưỡng, kế hoạch sửa chữa lớn năm 2018 đảm bảo chất lượng, khối lượng và tiến độ.

Không để xảy ra sự cố nặng, tai nạn lao động hoặc nguy cơ mất an toàn.

Ổn định đời sống vật chất, tinh thần và thu nhập cho người lao động trong Công ty.

## **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

Chỉ đạo tiếp tục xây dựng và phát triển hệ thống quản trị của Công ty, tổ chức nghiên cứu các mô hình quản trị phù hợp với Công ty để tiến hành triển khai áp dụng nhằm nâng cao chất lượng hệ thống quản trị.

HDQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty,

Chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ năm 2018, cụ thể:

- Tổ chức sắp xếp lại lao động các đơn vị, bộ phận; tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng suất lao động.

- Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực để vận hành an toàn nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng và nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

- Nâng cao chất lượng bảo dưỡng, sửa chữa...đảm bảo các tổ máy phát, hệ thống thiết bị, công trình an toàn, ổn định, sẵn sàng vận hành phát điện; giảm tỉ lệ điện tự dùng và tổn thất điện năng so với kế hoạch đề ra.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường

- Sử dụng có hiệu quả cao nguồn lực lao động, nguồn lực tài chính; Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch tối ưu hóa chi phí; nâng cao năng suất lao động.

- Đảm bảo phát điện tổ máy 5 Đa Nhim vào cuối năm 2018.

- Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư và khởi công xây dựng dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi.

## **Phần III**

### **MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN NĂM 2018**

#### **TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:**

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Kế hoạch</b>
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640
3.	Tổng doanh thu	Tỷ.đ	1.615,7
4.	Tổng chi phí	Tỷ.đ	938,7
5.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	677,0

**2. Chỉ tiêu đầu tư:**

2.1. Đầu tư xây dựng-đầu tư phát triển: 846,1 tỷ đồng.

2.2. Đầu tư tài chính: 15,4 tỷ đồng.

**3. Chỉ tiêu cổ tức: 10%**

***Nơi nhận:***

- ĐHCĐ thường niên 2018;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Oánh**

**Phụ lục đính kèm Báo cáo số /BC-HĐQT ngày tháng 04 năm 2018**

<b>Stt</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Hình thức</b>	<b>Trích yếu nội dung</b>
1	03/NQ-HĐQT	12/01/2017	Họp	Nghị quyết họp HĐQT phiên họp lần 1 năm 2017: 1. Thông qua kết quả ước thực hiện kế hoạch năm 2016. 2. Thông qua kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2017 và kế hoạch quý 1 năm 2017.
2	04/NQ-HĐQT	12/01/2017	Họp	Nghị quyết Thông qua việc đăng ký, lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch Upcom
3	09/QĐ-HĐQT	22/02/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định Phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương mới và Quy chế phân phối lương sản xuất điện trong Công ty
4	11/NQ-HĐQT	27/02/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc trả nợ trước hạn các hợp đồng vay lại nguồn vốn vay JBIC
5	20/QĐ-HĐQT	23/03/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định Bổ nhiệm lại Phó Tổng Giám đốc Đỗ Minh Lộc
6	22/NQ-HĐQT	23/3/2017	Họp	Nghị quyết họp HĐQT phiên họp lần 2 năm 2017: 1. Thông qua báo cáo ước thực hiện kế hoạch quý I năm 2016. 2. Thông qua kế hoạch SXKD quý II năm 2016. 3. Thông qua Báo cáo thực hiện năm 2016, Quý I năm 2017 và kế hoạch năm 2017 dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim, ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch năm 2017. 4. Thông qua Báo cáo thực hiện năm 2016, Quý I năm 2017 và kế hoạch năm 2017 dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2, ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch năm 2017. 5. Thông qua Báo cáo về việc thực hiện năm 2016, Quý I năm 2017 và kế hoạch năm 2017 dự án nhà máy điện mặt trời nổi tại hồ thủy điện Đa Mi, tỉnh Bình Thuận, ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ban hành Quyết định phê duyệt kế hoạch năm 2017. 6. Thông qua việc tiếp tục góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình. 7. Thông qua việc thành lập Tổ Chuẩn bị sản xuất thuộc Ban quản lý dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim. 8. Phê duyệt quyết toán nhân công thực hiện các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật bên ngoài công ty năm 2016. 9. Phê duyệt quyết toán tiền nhân công sửa chữa lớn tự làm năm 2016. 10. Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2016. Mức chi tạm ứng tương ứng với tỷ lệ 7,5% và việc thực hiện chi trả theo quy định pháp luật hiện hành.
7	42/NQ-HĐQT	23/05/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2017 của CTCP TĐ Hạ Sông Pha

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Trích yếu nội dung
8	45/NQ-HĐQT	12/06/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết Thông qua nội dung các Tờ trình, Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên CTCP thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2017.
9	59/NQ-HĐQT	14/06/2017	Họp	Nghị quyết Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty
10	62/QĐ-TĐĐHĐ	15/06/2017		Quyết định duyệt quyết toán Quỹ tiền lương SXKD điện thực hiện năm 2016 của người lao động
11	63/QĐ-TĐĐHĐ	15/06/2017		Quyết định duyệt kế hoạch tiền lương SXKD điện năm 2017 của người lao động
12	64/QĐ-TĐĐHĐ	15/06/2017	Thực hiện NQ ĐHĐ Cổ đông thường niên	Quyết định duyệt quyết toán tiền lương, thù lao năm 2016 của người quản lý
13	65/QĐ-TĐĐHĐ	15/06/2017	Thực hiện NQ ĐHĐ Cổ đông thường niên	Quyết định duyệt kế hoạch tiền lương SXKD điện năm 2017 của người quản lý
14	66/QĐ-TĐĐHĐ	15/06/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định phê duyệt kế hoạch LCNT gói thầu thẩm tra BC nghiên cứu khả thi DA NMD mặt trời nổi tại hồ Đa Mi, tỉnh Bình Thuận
15	71/NQ-HĐQT	29/06/2017	Họp	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc
16	72/QĐ-TĐĐHĐ	30/06/2017	Thực hiện NQ 71	Quyết định Vv bổ nhiệm cán bộ (TGD Lê Văn Quang)
17	73/QĐ-TĐĐHĐ	30/06/2017	Thực hiện NQ 71	Quyết định miễn nhiệm chức vụ TGD với ông Nguyễn Trọng Oánh
18	74/QĐ-TĐĐHĐ	01/07/2017		Quyết định ban hành Quy chế về mối quan hệ làm việc và phân cấp giữa CT HĐQT và TGD Công ty
19	75/QĐ-TĐĐHĐ	13/07/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định bổ sung hạng mục SCL năm 2017 Sửa chữa đường vận hành công trình hầm 3 và khu vực NM Đa Nhim
20	79/NQ-HĐQT	27/07/2017	Họp	Nghị quyết họp HĐQT phiên họp lần 3 năm 2017 NQ họp HĐQT phiên họp lần 3 năm 2017 1. Thông qua ước tình hình thực hiện kế hoạch quý 2 và 6 tháng đầu năm 2017. 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3/2017. 3. Thông qua Báo cáo về kết quả thực hiện sáu tháng đầu năm, ước thực hiện Quý III và kế hoạch Quý IV năm 2017 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim. 4. Thông qua Báo cáo về kết quả thực hiện sáu tháng đầu năm, ước thực hiện Quý III và kế hoạch Quý IV năm 2017 Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2 (DNEX-2). 5. Thông qua Báo cáo về về kết quả thực hiện sáu tháng đầu năm, ước thực hiện Quý III và kế hoạch Quý IV năm 2017 Dự án nhà máy điện mặt trời nổi tại hồ thủy điện Đa Mi, tỉnh Bình Thuận. 6. Thông qua đề xuất bổ sung một Phó Tổng Giám đốc. 7. Thông qua việc cử ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch HĐQT đại diện phần vốn góp của ĐHĐ tại Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình và tham gia ứng cử thành viên HĐQT không chuyên trách.
21	80/QĐ-TĐĐHĐ	03/08/2017	Thực hiện NQ 79	Quyết định đổi người đại diện phần vốn tại CTCP Phong điện Thuận Bình

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Trích yếu nội dung
22	81/QĐ-TĐĐHĐ	03/08/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định khen thưởng Ban điều hành Công ty năm 2016
23	84/QĐ-TĐĐHĐ	14/08/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định phê duyệt kế hoạch nhân công hoạt động DVKT 2017
24	85/QĐ-TĐĐHĐ	14/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định duyệt kế hoạch nhân công SCL tự làm 2017
25	87A/NQ-HĐQT	18/09/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết thông qua việc ban hành Quy chế quản lý vốn và người đại diện
26	89/NQ-HĐQT	21/09/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết thông qua Quy chế quản lý người đại diện
27	90/QĐ-TĐĐHĐ	21/09/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định duyệt điều chỉnh Kế hoạch tổng thể DAMR Đa Nhim
28	91/QĐ-TĐĐHĐ	25/09/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định duyệt kế hoạch LCNT gói thầu Tính toán trị số chỉnh định role bảo vệ tô máy H1, H2 NMTĐ Hàm Thuận thuộc Dự án Nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, điều thế, bảo vệ H1 Hàm Thuận và HTĐK toàn NM Hàm Thuận
29	98/NQ-HĐQT	13/10/2017	Họp	Nghị quyết họp HĐQT phiên họp lần 4 năm 2017 1. Thông qua ước thực hiện kế hoạch SXKD - đầu tư 9 tháng và cả năm 2017. 2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018. 3. Thông qua kết quả thực hiện 09 tháng đầu năm 2017, ước thực hiện cả năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim. 4. Thông qua kết quả thực hiện 09 tháng đầu năm 2017, ước thực hiện cả năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2. 5. Thông qua kết quả thực hiện 09 tháng đầu năm 2017, ước thực hiện cả năm 2017 và kế hoạch năm 2018 Dự án nhà máy điện mặt trời nổi Đa Mi. 6. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu năm 2017 (Đợt 1) Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi (DMS).
30	98A/NQ-HĐQT	18/10/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết ban hành Quy chế quản lý vốn và Người đại diện của Công ty DHD tại công ty con và công ty liên kết
31	102/QĐ-TĐĐHĐ	02/11/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
32	103/QĐ-TĐĐHĐ	13/11/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định mua trái phiếu ngân hàng Vietinbank
33	108/QĐ-TĐĐHĐ	08/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định Phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu sử dụng vốn đối ứng đợt 2 năm 2017 dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim
34	109/QĐ-TĐĐHĐ	12/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài áp dụng cho dự án đầu tư xây dựng
35	110/QĐ-TĐĐHĐ	19/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện mặt trời Đa Mi

<b>Stt</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Ngày ban hành</b>	<b>Hình thức</b>	<b>Trích yếu nội dung</b>
36	114/QĐ-TĐĐHĐ	26/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc chi trả 20% còn lại quỹ thưởng của Ban Quản lý điều hành
37	116/NQ-TĐĐHĐ	29/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua phương án nhân sự cán bộ lãnh đạo quản lý Trung tâm dịch vụ kỹ thuật
38	118/QĐ-TĐĐHĐ	29/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định bổ nhiệm P.TGD Nguyễn Đình Chiến
39	120/NQ-TĐĐHĐ	29/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Quy chế quản lý tài chính
40	121/QĐ-TĐĐHĐ	29/12/2017	Thực hiện NQ 120	Quyết định về việc thông qua Quy chế quản lý tài chính
41	122/QĐ-TĐĐHĐ	30/12/2017	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt dự toán và quyết toán công trình sửa chữa lớn năm 2017

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2018

Dự thảo

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018**

Thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về hoạt động kiểm soát năm 2017, tình hình và kết quả SXKD của Công ty và kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc của cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi năm 2017 như sau:

**I. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT:**

Trong năm 2017, Ban kiểm soát Công ty đã triển khai làm việc theo kế hoạch đề ra, làm việc trung thực, cần trọng và khách quan vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật DN và Điều lệ Công ty DHD. Kết quả hoạt động như sau:

1. Thực hiện đầy đủ chế độ làm việc, tuân thủ chế độ báo cáo theo Quy chế: Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị Công ty, qua đó nắm bắt chủ trương và chỉ đạo của HĐQT, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban TGD, phối hợp với Ban điều hành nhằm nâng cao công tác quản trị trong Công ty phấn đấu đạt các mục tiêu ĐHCĐ năm 2017.

2. Hoàn thành chương trình, nhiệm vụ kiểm soát hàng năm: Sau ĐHCĐ thường niên năm 2017, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, chương trình kiểm soát. Theo đó trong năm 2017, Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát định kỳ 6 tháng / lần đối với các hoạt động của Công ty.

Sau mỗi đợt kiểm soát, Ban kiểm soát đều có báo cáo kết quả kiểm soát cùng các kiến nghị cụ thể để góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và điều hành của công ty (thể hiện trong Biên bản và Báo cáo kiểm soát năm 2017) nhằm thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.



## II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

### 1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2017 và kế hoạch năm 2018 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
<b>I.</b>	<b>Hoạt động sản xuất điện</b>				
1.	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)	Ti.đ	1.499,5	1.691,8	112,8
2.	Chi phí (bao gồm các khoản tăng giảm giá điện)	Ti.đ	898,6	894,1	99,5
3.	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	Ti.đ	600,9	797,7	132,8
<b>II.</b>	<b>Hoạt động tài chính (không lãi vay)</b>				
1.	Doanh thu	Ti.đ	10,2	16,7	163,3
2.	Chi phí	Ti.đ	-	4,8	-
3.	Lợi nhuận	Ti.đ	10,2	11,9	116,7
<b>III.</b>	<b>Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)</b>				
1.	Doanh thu	Ti.đ	8,3	16,9	201,4
2.	Chi phí	Ti.đ	7,5	11,8	156,5
3.	Lợi nhuận	Ti.đ	0,8	5,1	605,8
<b>IV.</b>	<b>Tổng lợi nhuận</b>	<b>Ti.đ</b>	<b>611,9</b>	<b>814,7</b>	<b>133,1</b>
<b>V</b>	<b>Chia cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>180,0</b>

### 2. Kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2017

#### 2.1 Đánh giá chung:

Báo cáo tài chính năm 2017 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo quy định hiện hành. Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định. Các tờ kê khai thuế được lập đúng thời hạn quy định hiện hành.

Theo ý kiến của Kiểm toán viên độc lập – Công ty TNHH KPMG, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017, phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty.

## **2.2. Một số nội dung chủ yếu trong BCTC tại thời điểm 31/12/2017**

### **2.2.1 Báo cáo tài chính riêng:**

#### A. Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Tổng doanh thu	:	1.726, 2 tỷ đồng
- Tổng chi phí	:	911, 5 tỷ đồng
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	:	814, 7 tỷ đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	159, 6 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	:	655, 1 tỷ đồng

#### B. Bảng cân đối kế toán:

1. Tài sản ngắn hạn	:	1.780, 7 tỷ đồng
2. Tài sản dài hạn	:	5.549, 8 tỷ đồng
<b>Tổng cộng tài sản</b>	:	<b>7.330, 5 tỷ đồng</b>
3. Nợ phải trả	:	1.810, 5 tỷ đồng
4. Vốn chủ sở hữu	:	5.520, 0 tỷ đồng
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	:	<b>7.330, 5 tỷ đồng</b>

### **2.2.2 Báo cáo tài chính hợp nhất:**

#### B. Báo cáo kết quả kinh doanh:

- Tổng doanh thu	:	1.787, 9 tỷ đồng
- Tổng chi phí	:	955, 2 tỷ đồng
- Lỗ từ công ty liên kết	:	13,4 tỷ đồng
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	:	819, 3 tỷ đồng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	160, 6 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	:	658, 7 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	:	652, 5 tỷ đồng

#### B. Bảng cân đối kế toán:

1. Tài sản ngắn hạn	:	1.802, 3 tỷ đồng
2. Tài sản dài hạn	:	5.872, 0 tỷ đồng
<b>Tổng cộng tài sản</b>	:	<b>7.674, 3 tỷ đồng</b>
3. Nợ phải trả	:	2.809, 2 tỷ đồng
4. Vốn chủ sở hữu	:	5.585, 1 tỷ đồng
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	:	<b>7.674, 3 tỷ đồng</b>

### 2.3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	69	76
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	31	24
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Vốn CSH	lần	0,43	0,33
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	lần	0,30	0,25
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	lần	0,70	0,75
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	3,38	5,54
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3,51	5,67
4	Hiệu quả			
	Tỷ suất LNST /VCSH	%	11,09	15,36
	Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	31,57	37,95

Phân tích các chỉ số tài chính cơ bản năm 2017 cho thấy:

- Hệ số Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản cuối năm 2017 là 76% tăng so với năm 2016. Nguyên nhân: Giá trị tổng tài sản giảm do Công ty đã trả nợ trước hạn các khoản nợ gốc trong 2 năm 2017, 2018 của các hợp đồng vay lại Tập đoàn Điện lực Việt Nam với tổng số tiền: 4.703.171.808 JPY tương đương 945 tỷ đồng. Bên cạnh đó, giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm phát sinh nhiều cũng làm cho hệ số này tăng lên.

- Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn như: Hệ số nợ phải trả trên tổng nguồn vốn, hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn đều tốt hơn các năm trước do Công ty đã thực hiện trả nợ trước hạn các khoản vay ở trên.

- Các hệ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh cả Công ty đều trên 5 lần cho thấy tình hình tài chính ngày càng lành mạnh của Công ty.

*Tóm lại: Qua các chỉ số tài chính trên cho thấy tình hình tài chính của Công ty ngày càng lành mạnh, đã bảo toàn và phát triển vốn.*

*Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 thông qua các số liệu tài chính của Công ty như kết quả BKS công ty đã thẩm tra xem xét.*

### 3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban TGD

Trong năm 2017, HĐQT đã giám sát chỉ đạo chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Trong năm 2017 HĐQT đã tiến hành họp 7 lần đề ra các Nghị quyết nhằm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và 26 lượt xin ý kiến bằng văn bản đề ra các Nghị quyết, quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Tổ chức quản lý, vận hành các tổ máy an toàn, liên tục và ổn định. Thực hiện hiệu quả các đề án “Tối ưu hóa chi phí” và “Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động”. Hoàn thành việc triển khai và ứng dụng phần mềm ERP trong công tác tài chính kế toán.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị đề ra. Nhìn chung các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra năm 2017 Công ty đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức, lợi nhuận thực hiện đạt 133,1%. (Riêng dự án Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim đang bị chậm so với kế hoạch, đặc biệt là 02 hạng mục đường hầm đào bằng TBM và đường ống áp lực).

### **III. KIẾN NGHỊ**

Năm 2017, HĐQT và Ban TGD Công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo, điều hành, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, EVN/EVNGENCO1, hoàn thành vượt mức cổ tức kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên 2017 đề ra. Qua công tác giám sát, kiểm tra Ban KS có một số kiến nghị như sau:

1. Công ty cần sớm ban hành quy chế phân cấp giữa Chủ tịch và Tổng Giám đốc trong công tác tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu dùng nguồn vốn sản xuất kinh doanh.

2. Đối với công tác quyết toán sửa chữa lớn:

- Công ty cần thực hiện việc thẩm tra và phê duyệt quyết toán danh mục sửa chữa lớn hoàn thành đúng thời hạn theo quy định tại Điều 14 Quy định 3147/QĐ-EVNGENCO1 ngày 18/07/2013.

- Thành lập Hội đồng xác định giá trị vật tư, thiết bị, phụ tùng thu hồi theo quy định tại Điều 13 Quy định 3147/QĐ-EVNGENCO1 ngày 18/07/2013.

3. Đối với việc lập HSMT, HSYC... Công ty cần nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của các đối tượng liên quan trong quy trình lựa chọn nhà thầu như: Người có thẩm quyền, Người mua, Bên mời thầu.

4. Đối với công tác quản lý hợp đồng:

- Công ty cần nêu rõ thời gian bảo hành công trình trong hợp đồng theo quy định tại VB số 2509/EVN-KTND ngày 22/12/2000 về hướng dẫn nghiệm thu và bảo hành trong sửa chữa lớn tài sản cố định của Tổng công ty Điện lực Việt Nam và quy định tại ND số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm túc việc thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 66 Luật Đấu thầu để tránh rủi ro trong quá trình thực hiện hợp đồng.

5. Đối với công tác thanh xử lý tài sản:

- Công ty cần tuân thủ đúng quy định về công tác thanh xử lý tài sản theo Quy chế thanh xử lý tài sản của Công ty.

- Cập nhật các Quy chế thanh xử lý tài sản của Công ty cho phù hợp với hướng dẫn công tác thanh xử lý tài sản của EVN tại Quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam

6. Đối với Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Công ty tiếp tục phối hợp với TVGS cũng như các nhà thầu theo dõi chặt chẽ về tiến độ thực hiện các hạng mục của các gói thầu; tìm kiếm các giải pháp khắc phục khó khăn nhằm đẩy nhanh tiến độ các hạng mục bị chậm của dự án.

7. Đối với dự án điện mặt trời Đa Mi: Tập trung mọi nguồn nhân lực để đẩy nhanh công tác đánh giá, lựa chọn nhà thầu và hoàn thiện, ký kết hợp đồng để kịp tiến độ lắp đặt đề ra.

#### **IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017**

Năm 2018, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Giám sát việc chấp hành và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018, phối hợp và giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích của cổ đông và quyền lợi của người lao động.

Nhằm thực hiện tốt mục tiêu trong năm 2018, Ban kiểm soát phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời.

- Kiểm tra tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; xem xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên và báo cáo năm.

- Nắm bắt các cơ chế, chính sách mới nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi gửi:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- TV BKS;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Ngô Thế Long**

BAN KIỂM SOÁT

Lâm Đồng, ngày tháng năm 2018

## TỜ TRÌNH

### V/v lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ văn bản số /EVNGENCO1-TH của Tổng công ty Phát điện 1 về việc chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty ĐHD;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi;

Để phục vụ cho công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 được kịp thời, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập theo hình thức chào giá cạnh tranh, đảm bảo đơn vị được lựa chọn là Công ty kiểm toán có uy tín, có đủ điều kiện hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

**TM.BAN KIỂM SOÁT**  
**TRƯỞNG BAN**

***Nơi nhận:***

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.

**Ngô Thế Long**



**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 và**  
**tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 của người quản lý**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ công văn số / EVNGENCO1-TH, ngày tháng 04 năm 2018 của Tổng công ty Phát điện 1, về việc chỉ đạo Người đại diện tại Công ty ĐHD nội dung ĐHCĐ thường niên 2018;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018 của người quản lý Công ty như sau:

**1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017:**

(Đơn vị: đồng)

Số tt	Nội dung	Số người	Thực hiện
	<i>Tiền lương đối với người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn nhà nước</i>	<b>4</b>	
1.	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	876.599.000
2.	Tiền lương Tổng Giám đốc (6 tháng cuối năm)	1	420.322.000
3.	Tiền lương Phó Tổng Giám đốc (18 tháng)	2	1.121.502.000
	<i>Tiền lương đối với người quản lý chuyên trách không là người đại diện phần vốn nhà nước</i>	<b>2</b>	
1.	Tiền lương Trưởng BKS	1	720.000.000
2.	Tiền lương Kế toán trưởng	1	684.691.000



	<b><i>Thù lao của người quản lý không chuyên trách</i></b>	<b>4</b>	
1.	Thù lao Ủy viên Hội đồng quản trị (5 và ½ tháng)	2	126.500.000
2.	Thù lao Kiểm soát viên	2	276.000.000
	<b>Tổng Cộng</b>		<b>4.225.614.000</b>

**2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2018:**

(Đơn vị: đồng)

<b>Số tt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số người</b>	<b>Kế hoạch</b>
	<b><i>Tiền lương đối với người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn nhà nước</i></b>	<b>3</b>	
1.	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	871.499.840
2.	Tiền lương Tổng Giám đốc	1	835.956.240
3.	Tiền lương Phó Tổng Giám đốc	1	743.290.440
	<b><i>Tiền lương đối với người quản lý chuyên trách không là người đại diện phần vốn nhà nước</i></b>	<b>3</b>	
1.	Tiền lương Trưởng BKS	1	720.000.000
2.	Tiền lương Phó Tổng Giám đốc	1	740.462.640
3.	Tiền lương Kế toán trưởng	1	680.462.640
	<b><i>Thù lao của người quản lý không chuyên trách</i></b>	<b>2</b>	
1.	Thù lao Kiểm soát viên	2	276.000.000
	<b>Tổng Cộng</b>		<b>4.867.540.800</b>

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ thường niên 2017;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Oánh**

Dự thảo

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua Báo cáo tài chính 2017**

Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

HDQT Công ty báo cáo các chỉ số cơ bản của báo cáo tài chính năm 2017 như sau:

**I. Báo cáo tài chính riêng**

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	2.356.906	1.780.751
2. Tài sản dài hạn	5.250.594	5.549.785
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>7.607.500</b>	<b>7.330.536</b>
3. Nợ phải trả	2.280.531	1.810.499
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.326.969	5.520.037
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>7.607.500</b>	<b>7.330.536</b>

Tổng tài sản năm 2017 giảm so với năm 2016, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã dùng tiền trả nợ vay dài hạn nên cả tài sản ngắn hạn và nợ đều giảm.

2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu: 1.725.446 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 910.716 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 814.730 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 655.080 triệu đồng.

**II. Báo cáo tài chính hợp nhất**

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
----------	----------------------------	-----------------------------

1. Tài sản ngắn hạn	2.372.909	1.802.308
2. Tài sản dài hạn	5.587.324	5.871.980
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>7.960.233</b>	<b>7.674.288</b>
3. Nợ phải trả	2.575.523	2.089.154
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.344.542	5.534.752
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	40.167	50.381
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>7.960.233</b>	<b>7.674.288</b>

2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu: 1.787.892 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 968.580 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 819.312 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 658.707 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 6.246 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 652.461 triệu đồng

Chi tiết trong báo cáo tài chính đính kèm.

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

*Nơi nhận:*

- ĐHĐCĐ thường niên 2018;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Oánh**



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm  
Thuận - Đa Mi**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Quyết định thành lập số</b>	327/QĐ-EVN	ngày 24 tháng 5 năm 2010
	Quyết định thành lập do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi).	
<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	5800452036	ngày 18 tháng 5 năm 2005
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 6 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Trọng Oánh Ông Lê Văn Quang Ông Đỗ Minh Lộc  Ông Nguyễn Quang Cường	Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2017) Thành viên (đến ngày 14 tháng 6 năm 2017)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Lê Văn Quang Ông Nguyễn Trọng Oánh Ông Lê Văn Quang Ông Đỗ Minh Lộc	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2017) Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 7 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Ngô Thế Long Ông Hoàng Văn Long  Ông Hà Minh Tiến Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2017) Thành viên (đến ngày 14 tháng 6 năm 2017) Thành viên
<b>Trụ sở đăng ký</b>	80A Trần Phú, Phường Lộc Sơn Thành phố Bảo Lộc Tỉnh Lâm Đồng Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

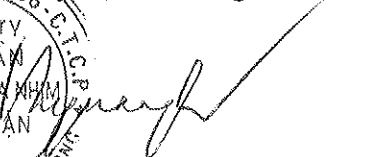
**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Chạy mặt Ban Tổng Giám đốc ✓  
  
Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc



Lâm Đồng, ngày 5 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông**

### **Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

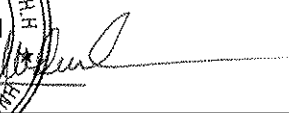
## Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 3(a)(ii) trong báo cáo tài chính riêng. Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định này có sự khác biệt so với Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) của báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-364



  
Vu Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghi

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.780.751.676.104</b>	<b>2.356.905.929.516</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>449.971.259.198</b>	<b>50.981.654.199</b>
Tiền	111		38.928.453.379	11.968.131.369
Các khoản tương đương tiền	112		411.042.805.819	39.013.522.830
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>268.817.781.781</b>	<b>1.427.005.190.482</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	268.817.781.781	1.427.005.190.482
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.025.882.117.491</b>	<b>790.146.513.883</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	966.769.388.835	516.046.567.861
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.654.469.749	194.133.819.213
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	46.505.008.907	79.966.126.809
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(46.750.000)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>35.742.582.355</b>	<b>87.228.856.900</b>
Hàng tồn kho	141		35.742.582.355	87.228.856.900
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>337.935.279</b>	<b>1.543.714.052</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	324.175.940	1.529.954.713
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(b)	13.759.339	13.759.339

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>5.549.784.700.388</b>	<b>5.250.594.668.051</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>964.420.123.321</b>	<b>799.932.824.894</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212		164.487.298.427	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	799.932.824.894	799.932.824.894
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.740.754.517.876</b>	<b>4.022.175.719.167</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.739.612.930.673	4.020.881.248.160
Nguyên giá	222		12.151.657.826.825	12.148.994.309.630
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.412.044.896.152)	(8.128.113.061.470)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.141.587.203	1.294.471.007
Nguyên giá	228		1.528.838.057	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(387.250.854)	(234.367.050)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>620.551.344.611</b>	<b>190.719.208.176</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	620.551.344.611	190.719.208.176
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>182.266.299.385</b>	<b>235.839.200.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	112.000.000.000	112.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	32.679.200.000	26.479.200.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(4.772.900.615)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	5.000.000.000	60.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>41.792.415.195</b>	<b>1.927.715.814</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	41.792.415.195	1.927.715.814
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>7.330.536.376.492</b>	<b>7.607.500.597.567</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*


**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.810.499.391.834</b>	<b>2.280.531.555.036</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>266.792.177.512</b>	<b>671.263.762.165</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	36.643.307.240	18.568.997.082
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.126.431.388	1.758.448.904
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	15(a)	182.443.021.202	122.595.926.914
Phải trả người lao động	314		25.579.099.929	33.698.586.341
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	14.119.491.486	25.527.301.691
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	432.356.558	2.954.388.458
Vay ngắn hạn	320	18(a)	-	461.428.186.083
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	6.448.469.709	4.731.926.692
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.543.707.214.322</b>	<b>1.609.267.792.871</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	14	44.361.088.013	-
Vay dài hạn	338	18(b)	1.499.346.126.309	1.609.267.792.871
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>5.520.036.984.658</b>	<b>5.326.969.042.531</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>5.520.036.984.658</b>	<b>5.326.969.042.531</b>
Vốn cổ phần	411	21	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		74.872.484.114	67.787.710.660
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(13.698.103.037)	7.331.138.455
Quỹ đầu tư phát triển	418		44.328.129.224	20.480.114.976
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.190.534.474.357	1.007.370.078.440
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		535.454.564.938	535.454.564.938
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		655.079.909.419	471.915.513.502
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.330.536.376.492</b>	<b>7.607.500.597.567</b>

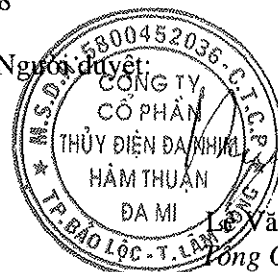
Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:

  
 Lê Xuân Phong  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
 Phạm Thị Hồng Hà  
 Kế toán trưởng



  
 Lê Văn Quang  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

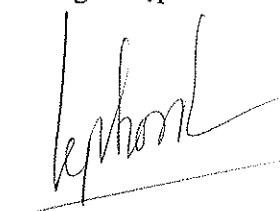
**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>1.593.214.662.682</b>	<b>1.332.457.562.706</b>
<b>Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>765.939.858.102</b>	<b>687.039.386.915</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>827.274.804.580</b>	<b>645.418.175.791</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	132.631.361.916	161.982.436.859
Chi phí tài chính	22	28	93.841.368.617	166.886.270.161
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.231.753.459	63.455.833.396
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	51.761.201.545	51.192.091.197
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}</b>	<b>30</b>		<b>814.303.596.334</b>	<b>589.322.251.292</b>
Thu nhập khác	31		426.344.546	113.696.796
Chi phí khác	32		-	17.176.136
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>426.344.546</b>	<b>96.520.660</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>814.729.940.880</b>	<b>589.418.771.952</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>159.650.031.461</b>	<b>117.503.258.450</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>655.079.909.419</b>	<b>471.915.513.502</b>

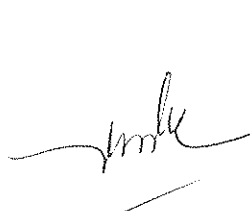
Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:

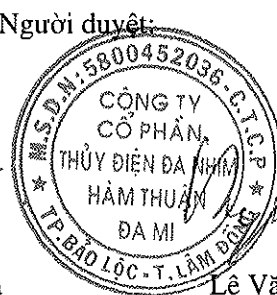


Lê Xuân Phong  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng




Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>814.729.940.880</b>	<b>589.418.771.952</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		289.310.787.472	341.464.713.606
Các khoản dự phòng	03		4.819.650.615	(1.070.469.137)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		28.591.287.882	76.869.887.747
Lãi tiền gửi	05		(115.496.337.013)	(156.655.449.599)
Cổ tức được chia	05		(16.738.580.740)	(2.708.022.500)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(307.425.454)	(102.437.013)
Chi phí lãi vay	06		37.231.753.459	63.455.833.396
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.042.141.077.101</b>	<b>910.672.828.452</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(717.420.879.022)	(416.319.047.480)
Biến động hàng tồn kho	10		51.486.274.545	(49.233.814.881)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		57.495.118.161	15.122.241.039
Biến động chi phí trả trước	12		(38.658.920.608)	13.273.981.942
			<b>395.042.670.177</b>	<b>473.516.189.072</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(49.086.863.046)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(184.315.580.405)	(91.338.891.371)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.866.182.783)	(22.144.064.038)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>144.774.043.943</b>	<b>360.033.233.663</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

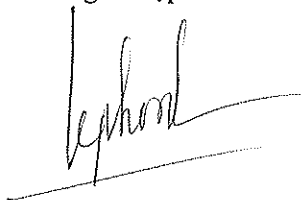
**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(331.788.937.041)	(308.367.766.078)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	307.425.454	295.454.545
Tiền chi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23	(445.838.770.100)	(1.172.702.942.919)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24	1.612.266.239.651	1.211.242.862.264
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.200.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	65.874.886.147	129.323.976.246
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>894.620.844.111</b>	<b>(150.208.415.942)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	405.823.885.387	272.034.237.384
Tiền trả nợ gốc vay	34	(696.812.309.001)	-
Tiền trả cổ tức	36	(349.406.129.728)	(506.880.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(640.394.553.342)</b>	<b>(234.845.762.616)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>399.000.334.712</b>	<b>(25.020.944.895)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>50.981.654.199</b>	<b>75.933.038.465</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(10.729.713)</b>	<b>69.560.629</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>449.971.259.198</b>	<b>50.981.654.199</b>

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Xuân Phong  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Phạm Thị Hồng Hà  
Kế toán trưởng



Lê Văn Quang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã cổ phiếu là DNH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có hơn 100 cổ đông và vốn cổ phần của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (1/1/2017: 4.224.000.000.000 VND).

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty có cấu trúc như sau:

- 7 phòng ban;
- 2 phân xưởng sản xuất
- Trung tâm dịch vụ kỹ thuật – đơn vị quản lý vận hành các thiết bị điện, các công trình thủy công của nhà máy thủy điện;

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- Ban Quản lý Dự án Mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 264 nhân viên (1/1/2017: 272 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **(a) Ngoại tệ**

##### **(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

##### **(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia**

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính sẽ tăng 21.029.241.492 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 4.205.848.298 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 16.823.393.194 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: chi phí tài chính sẽ giảm 7.331.138.455 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ tăng 1.466.227.691 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ tăng 5.864.910.764 VND), số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 13.698.103.037 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 2.739.620.607 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 10.958.482.430 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ giảm 7.331.138.455 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ tăng 1.466.227.691 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ tăng 5.864.910.764 VND).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển của Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định 10 về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán điện***

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính căn cứ theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	175.045.962	131.121.257
Tiền gửi ngân hàng	38.753.407.417	11.837.010.112
Các khoản tương đương tiền	411.042.805.819	39.013.522.830
	<hr/>	<hr/>
	449.971.259.198	50.981.654.199
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng USD và VND có kỳ hạn 1 và 3 tháng kể từ ngày gửi, hưởng lãi suất năm lần lượt là 0% và 6,6% trong năm (2016: lần lượt là 0% và 6,5% trong năm).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm dao động từ 6% đến 6,6% trong năm (2016: 3,8% đến 6,9% trong năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh khoản đầu tư trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 có kỳ hạn 10 năm kể từ ngày phát hành. Lãi suất áp dụng là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất 6,8% một năm.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2017						1/1/2017					
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>												
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (i)	11.200.000	71,8%	70%	112.000.000.000	-	(*)	11.200.000	75,1%	70%	112.000.000.000	-	(*)
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>												
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (ii)	3.267.920	20%	20%	32.679.200.000	(4.772.900.615)	(*)	2.647.920	17%	20%	26.479.200.000	-	(*)
<b>Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác</b>												
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	(*)	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	(*)	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	(*)
				37.360.000.000	-					37.360.000.000	-	
				182.039.200.000	(4.772.900.615)					175.839.200.000	-	

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (“Hạ Sông Pha”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4500407954 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009. Hoạt động chính của Hạ Sông Pha là xây dựng các công trình thủy điện, phong điện và các công trình nhà máy điện khác; sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng.

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	-	698.363.237
Trích lập dự phòng trong năm	4.772.900.615	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(698.363.237)
	4.772.900.615	-
Số dư cuối năm	4.772.900.615	-

## **6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

### **(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện	963.256.374.150	510.983.001.009
Các khách hàng khác	3.513.014.685	5.063.566.852
	966.769.388.835	516.046.567.861

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện	963.256.374.150	510.983.001.009
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 3	1.107.867.130	4.318.429.953
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	7.604.300	-
	971.968.545.580	515.301.430.962

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.393.333.553	79.906.522.226
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	211.167.440	-
Phải thu khác	900.507.914	59.604.583
	46.505.008.907	79.966.126.809

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	34.299.358.113	85.977.921.078
Công cụ và dụng cụ	547.232.593	317.236.208
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	895.991.649	933.699.614
	35.742.582.355	87.228.856.900

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu về cho vay**

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	<b>Tiền tệ</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>1/1/2017 VND</b>
Phải thu về cho vay				
Tổng Công ty Phát điện 1				
Khoản cho vay 1	VND	2019	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản cho vay 2	VND	2020	150.000.000.000	150.000.000.000
Khoản cho vay 3	VND	2020	449.932.824.894	449.932.824.894
			<hr/>	<hr/>
			799.932.824.894	799.932.824.894

Các khoản phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1, công ty mẹ, không có đảm bảo và có thời hạn cho vay là 5 năm. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Trong năm, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm dao động từ 8,5% đến 9%/năm (2016: 8,5% đến 9%/năm). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	8.000.459.198.938	4.055.558.987.940	55.136.159.362	37.586.082.883	253.880.507	12.148.994.309.630
Tăng trong năm	-	4.038.322.000	2.504.538.181	1.346.726.000	-	7.889.586.181
Thanh lý	-	-	(5.226.068.986)	-	-	(5.226.068.986)
Phân loại lại	-	(13.147.529.660)	8.064.097.405	5.083.432.255	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.000.459.198.938</b>	<b>4.046.449.780.280</b>	<b>60.478.725.962</b>	<b>44.016.241.138</b>	<b>253.880.507</b>	<b>12.151.657.826.825</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	4.180.409.440.832	3.875.697.504.994	38.820.625.240	32.931.609.897	253.880.507	8.128.113.061.470
Khấu hao trong năm	175.823.366.040	106.507.178.491	2.899.470.618	3.927.888.519	-	289.157.903.668
Thanh lý	-	-	(5.226.068.986)	-	-	(5.226.068.986)
Phân loại lại	-	(13.147.529.660)	8.064.097.405	5.083.432.255	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.356.232.806.872</b>	<b>3.969.057.153.825</b>	<b>44.558.124.277</b>	<b>41.942.930.671</b>	<b>253.880.507</b>	<b>8.412.044.896.152</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	3.820.049.758.106	179.861.482.946	16.315.534.122	4.654.472.986	-	4.020.881.248.160
Số dư cuối năm	3.644.226.392.066	77.392.626.455	15.920.601.685	2.073.310.467	-	3.739.612.930.673

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 2.880.069.741.998 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 2.885.318.628.842 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản này hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay đó.

## **11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.528.838.057
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	234.367.050
Khấu hao trong năm	152.883.804
Số dư cuối năm	387.250.854
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.294.471.007
Số dư cuối năm	1.141.587.203

## **12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	190.719.208.176
Tăng trong năm	429.832.136.435
Số dư cuối năm	620.551.344.611

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (*)	615.280.109.895	189.989.715.886
Các công trình khác	5.271.234.716	729.492.290
	<b>620.551.344.611</b>	<b>190.719.208.176</b>

- (\*) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2018. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 18(b)).

### 13. Chi phí trả trước

#### (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

#### (b) Chi phí trả trước dài hạn

	<b>Công cụ và dụng cụ</b>	<b>Khác</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	810.382.796	1.117.333.018	1.927.715.814
Tăng trong năm	56.130.999.528	1.301.692.872	57.432.692.400
Phân bổ trong năm	(16.936.503.105)	(631.489.914)	(17.567.993.019)
Số dư cuối năm	<b>40.004.879.219</b>	<b>1.787.535.976</b>	<b>41.792.415.195</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Các khoản phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	43.675.231.183	-
Viện Nghiên cứu Cơ khí	21.170.788.683	-
GE Power India Limited	8.582.100.264	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thanh An	-	13.937.348.370
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Công Nghiệp Hưng Việt	-	2.141.336.989
Các nhà cung cấp khác	7.576.275.123	2.490.311.723
	81.004.395.253	18.568.997.082

**(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	36.643.307.240	18.568.997.082
Dài hạn	44.361.088.013	-
	81.004.395.253	18.568.997.082

**(c) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	2.972.152.672	279.980.551
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	48.466.160	40.601.472
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	201.856.170
Trung tâm Viễn thông và Công nghệ Thông tin – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	-	166.939.785

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2017 VND</b>	<b>Số phải nộp trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp trong năm VND</b>	<b>31/12/2017 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.494.616.471	116.583.874.796	(67.566.407.054)	50.512.084.213
Thuế thu nhập doanh nghiệp	97.793.396.630	159.650.031.461	(184.315.580.405)	73.127.847.686
Thuế thu nhập cá nhân	33.571.300	4.834.699.407	(4.038.351.532)	829.919.175
Thuế tài nguyên	9.594.251.673	269.175.367.720	(245.287.802.536)	33.481.816.857
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	549.691.914	(549.691.914)	-
Các loại thuế khác	13.680.090.840	77.864.057.239	(67.052.794.808)	24.491.353.271
	<b>122.595.926.914</b>	<b>628.657.722.537</b>	<b>(568.810.628.249)</b>	<b>182.443.021.202</b>

**(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	<b>1/1/2017 VND</b>	<b>Số phát sinh trong năm VND</b>	<b>Số đã được hoàn trong năm VND</b>	<b>31/12/2017 VND</b>
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.759.339	-	-	13.759.339

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	13.148.280.937	25.470.938.055
Chi phí phải trả khác	971.210.549	56.363.636
	14.119.491.486	25.527.301.691
	14.119.491.486	25.527.301.691

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2017</b>	<b>1/1/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	-	239.909.384
Bảo hiểm xã hội	-	2.130.732.916
Bảo hiểm y tế	-	355.122.153
Bảo hiểm thất nghiệp	-	118.374.051
Phải trả, phải nộp khác	432.356.558	110.249.954
	432.356.558	2.954.388.458
	432.356.558	2.954.388.458

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2017</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	<b>Biến động trong năm</b> Tăng VND	<b>Giảm</b> VND	<b>31/12/2017</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	461.428.186.083	-	(461.428.186.083)	-

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2017</b> VND	<b>1/1/2017</b> VND
Vay dài hạn	1.499.346.126.309	2.070.695.978.954
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(461.428.186.083)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.499.346.126.309	1.609.267.792.871

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Tiền tệ</b>	<b>Năm</b> <b>đáo hạn</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2017</b> VND	<b>1/1/2017</b> VND
Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam					
Khoản vay 1 (i)	JPY	2019	3,21%	794.079.153.563	1.602.051.625.184
Khoản vay 2 (ii)	JPY	2021	2,75%	117.637.095.531	203.941.254.842
Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực					
Khoản vay 1 (iii)	JPY	2044	0,91% - 1,4%	587.629.877.215	264.703.098.928
				1.499.346.126.309	2.070.695.978.954

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 05/2007/ĐN/EVN/TCKT ngày 30 tháng 8 năm 2007. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và chịu lãi suất năm là 3,21%/năm. Thời hạn cho vay lại là 11 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10).
- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10).
- (iii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,91%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 12) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu công suất lắp máy 160MW (thuyết minh 10).

## 19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	4.731.926.692	8.128.770.980
Trích lập trong năm	18.582.725.800	18.747.219.750
Sử dụng trong năm	(16.866.182.783)	(22.144.064.038)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	6.448.469.709	4.731.926.692

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	4.224.000.000.000	41.344.567.181	-	29.710.795.559	867.094.247.584	5.162.149.610.324
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	471.915.513.502	471.915.513.502
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(295.680.000.000)	(295.680.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	26.443.143.479	-	(26.443.143.479)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	17.212.462.896	(17.212.462.896)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.747.219.750)	(18.747.219.750)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 22)	-	-	7.331.138.455	-	-	7.331.138.455
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	4.224.000.000.000	67.787.710.660	7.331.138.455	20.480.114.976	1.007.370.078.440	5.326.969.042.531
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	655.079.909.419	655.079.909.419
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(422.400.000.000)	(422.400.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	7.084.773.454	-	(7.084.773.454)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	30.932.787.702	(30.932.787.702)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.582.725.800)	(18.582.725.800)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 22)	-	-	(21.029.241.492)	-	-	(21.029.241.492)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>	4.224.000.000.000	74.872.484.114	(13.698.103.037)	44.328.129.224	1.190.534.474.357	5.520.036.984.658

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

## 21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	VND
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một thành viên	99,93%	422.103.100	4.221.031.000.000
Các cổ đông khác	0,07%	296.900	2.969.000.000
	100%	422.400.000	4.224.000.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## 22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan đến xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 10 (thuyết minh 3(a)(ii)).

## 23. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông Công ty vào 14 tháng 6 năm 2017 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 422,4 tỷ VND (2016: 506 tỷ VND).

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	267.540,88	6.062.448.263	263.196,33	6.073.177.976

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	2.040.629.186.689	2.044.959.362.518
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	605.708.951.521	1.030.246.974.306
	<b>2.646.338.138.210</b>	<b>3.075.206.336.824</b>

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	1.576.312.192.426	1.323.027.327.498
▪ Cung cấp dịch vụ	16.902.470.256	9.430.235.208
	<b>1.593.214.662.682</b>	<b>1.332.457.562.706</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Giá vốn hàng bán**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán điện	754.107.551.854	679.331.847.584
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	11.832.306.248	7.707.539.331
	765.939.858.102	687.039.386.915
	765.939.858.102	687.039.386.915

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	115.496.337.013	156.655.449.599
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.738.580.740	2.708.022.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	396.444.163	2.618.964.760
	132.631.361.916	161.982.436.859
	132.631.361.916	161.982.436.859

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	37.231.753.459	63.455.833.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	23.245.426.661	27.258.912.255
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	28.591.287.882	76.869.887.747
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (Thuyết minh số 5(b))	4.772.900.615	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(698.363.237)
	93.841.368.617	166.886.270.161
	93.841.368.617	166.886.270.161



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	33.580.080.613	31.794.711.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.444.049.820	2.241.106.506
Thuế, phí và lệ phí	826.219.136	2.009.220.071
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	673.709.168	701.337.335
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	454.622.347	563.046.975
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	46.750.000	(372.105.900)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.960.585.388	8.888.971.098
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.775.185.073	5.365.803.127
	<b>51.761.201.545</b>	<b>51.192.091.197</b>

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	33.397.883.797	34.716.785.778
Chi phí nhân công	99.060.139.358	96.123.167.656
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	454.622.347	563.046.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.310.787.472	341.464.713.606
Thuế, phí và lệ phí	345.298.787.247	214.791.548.536
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	46.750.000	(372.105.900)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.802.563.690	28.668.797.229
Chi phí khác	24.291.817.771	22.665.346.323

**31. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	159.619.378.631	117.503.258.450
Dự phòng thiếu trong những năm trước	30.652.830	-
	<b>159.650.031.461</b>	<b>117.503.258.450</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	814.729.940.880	589.418.771.952
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	162.945.988.176	117.883.754.390
Thu nhập không bị tính thuế	(3.347.716.148)	(541.604.500)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.309.330	(14.974.114)
Chi phí không được khấu trừ thuế	18.797.273	176.082.674
Dự phòng thiếu trong năm trước	30.652.830	-
	<b>159.650.031.461</b>	<b>117.503.258.450</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2016: 20%).

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch cho năm</b>	
	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua điện	2.083.140.586	2.269.253.458
Chi phí lãi vay	32.932.313.876	63.455.833.396
Khoản vay đã trả	922.856.372.166	441.768.927.926
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 1</b>		
Cho công ty mẹ vay vốn	-	84.411.447.015
Lãi vay phải thu trong năm	72.993.870.272	70.769.744.103
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha</b>		
Cung cấp dịch vụ	855.962.421	1.324.757.825
Cổ tức được chia	8.960.000.000	-

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch cho năm</b>	
	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình</b>		
Góp vốn	6.200.000.000	10.000.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua Bán Điện</b>		
Bán điện	1.576.312.192.426	1.323.027.327.498
<b>Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực</b>		
Vay	300.689.098.246	271.716.440.480
Chi phí lãi vay	3.234.787.141	317.796.904
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương</b>		
Cổ tức được chia	4.771.277.700	2.708.022.500
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ</b>		
Cổ tức được chia	3.007.303.040	-
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</b>		
Cung cấp dịch vụ	327.289.751	4.240.137.454
Ứng trước hợp đồng dịch vụ	-	349.437.000
Nhận ứng trước hợp đồng dịch vụ	-	199.937.130
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</b>		
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	1.652.211.901	680.684.533
<b>Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Chi phí dịch vụ	-	164.213.285
<b>Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Ứng trước hợp đồng dịch vụ	-	157.886.520
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đồng Nai</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	119.072.625
<b>Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh</b>		
Cung cấp dịch vụ	63.299.570	333.989.771
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	19.678.000

**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*


	<b>Giá trị giao dịch cho năm</b>	
	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung</b> Cung cấp dịch vụ	509.281.000	365.671.824
<b>Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam</b> Cung cấp dịch vụ	15.400.000	12.600.000
<b>Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng</b> Cung cấp dịch vụ	30.326.000	86.747.500
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4</b> Chi phí dịch vụ	3.253.597.805	137.725.671
<b>Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b> Tiền lương và thù lao	1.731.041.000	1.140.264.000

**33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2017</b>	<b>2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	109.373.369.451	3.440.583.876
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	253.655.590.943	441.768.927.926
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với tiền gửi có kỳ hạn	74.288.472.222	-
Chi trả cổ tức bằng cách cân trừ với lãi vay phải thu	72.993.870.272	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	27.879.350.007	40.819.152.324
Thanh toán lãi vay bằng cách cân trừ với tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	-

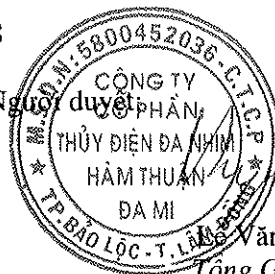
Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:

  
**Lê Xuân Phong**  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
**Phạm Thị Hồng Hà**  
 Kế toán trưởng



  
**Trần Văn Quang**  
 Tổng Giám đốc

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017**

Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

HDQT Công ty xin ý kiến Đại hội phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

STT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận sau thuế	655.079.909.419	
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	205.228.992.104	
<b>3</b>	<b>Phân phối lợi nhuận (1) +.....+ (5)</b>	<b>860.308.901.523</b>	<b>100%</b>
3.1	Cổ tức (18%)	760.320.000.000	88,38%
	<i>Trong đó: đã tạm ứng 6%</i>	<i>253.440.000.000</i>	
3.2	Quỹ Đầu tư phát triển	15.000.000.000	1,74%
3.3	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	528.201.750	0,06%
3.4	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	19.417.250.000	2,27%
3.5	Lợi nhuận để lại	65.043.449.773	7,55%

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2018;
- Lưu: VT, Thư ký Cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Oánh**

Số: /TTr-TĐĐHĐ

Lâm Đồng, ngày tháng 04 năm 2018

Dự thảo

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua điều lệ sửa đổi Công ty**

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được thông qua theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thành lập vào ngày 15/9/2011; Điều lệ sửa đổi bổ sung một số điều của Công ty theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được thông qua theo nghị quyết số 50/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2016 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

Để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi của Công ty được tham chiếu theo điều lệ mẫu tại Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính và phù hợp với bộ máy tổ chức và hoạt động của Công ty hiện nay.

Tài liệu đính kèm theo:

- Dự thảo Điều lệ sửa đổi của Công ty;
- Thuyết minh sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
- TV HĐQT Cty;
- TGD, P.TGD;
- Lưu: VT, P.TCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Oánh**

**BẢNG TỔNG HỢP THUYẾT MINH SỬA ĐỔI**  
**ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

*(Đính kèm theo Tờ trình số /TTr-TĐĐHĐ ngày tháng 03 năm 2018*

*về việc kiện toàn mô hình quản trị công ty đại chúng)*

**I. MÔ TẢ PHƯƠNG PHÁP TRÌNH BÀY BẢNG THUYẾT MINH SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

**1. Cách bố trí:**

Bảng thuyết minh bố trí theo các cột, cụ thể:

- Cột 1: Bố trí các Chương, Điều, Khoản và Điểm theo Điều lệ mẫu của Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính và ***Điều lệ sửa đổi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua sẽ theo các Chương, Điều, Khoản và Điểm được quy định này.***
- Cột 2: Tên và nội dung tiêu đề các Chương, Điều của Điều lệ mẫu. Ngoài ra, trong phần trình bày để dễ dàng theo dõi, kiểm tra, so sánh một số nội dung khác nhau của các Điều, Khoản, Điểm của Điều lệ mẫu và Điều lệ hiện hành.
- Cột 3: Tên và nội dung tiêu đề các Chương, Điều của Điều lệ hiện hành. Ngoài ra, trong phần trình bày để dễ dàng theo dõi, kiểm tra, so sánh một số nội dung khác nhau của các Điều, Khoản, Điểm của Điều lệ hiện hành và Điều lệ mẫu.
- Cột 4: ***Đề nghị sửa đổi*** các nội dung của Điều lệ hiện hành theo Điều lệ mẫu và phân diễn giải lý do sửa đổi.

**2. Phương pháp rà soát, hiệu chỉnh:**

Trong quá trình rà soát, hiệu chỉnh các nội dung giữa Điều lệ mẫu và Điều lệ hiện hành đã xảy ra các trường hợp sau:

- a) Trường hợp 1: Nội dung giống nhau của các Điều (kể cả tên Điều), Khoản (kể cả tên Khoản) hoặc Điểm giữa Điều lệ mẫu và Điều lệ hiện hành. **Trường hợp này, sẽ ưu tiên chọn nội dung của Điều lệ mẫu.**
- b) Trường hợp 2: Nội dung khác nhau của các Điều (kể cả tên Điều), Khoản (kể cả tên Khoản) hoặc Điểm giữa Điều lệ mẫu và Điều lệ hiện hành, đồng thời nội dung của Điều lệ hiện hành chưa phù hợp (hoặc đã có) với quy định pháp luật hiện hành. **Trường hợp này ưu tiên chọn nội dung của Điều lệ mẫu.**
- c) Trường hợp 3: Một số nội dung của các Khoản, Điểm có quy định trong Điều lệ mẫu nhưng không có trong Điều lệ hiện hành, mặt khác các nội dung này xét đến cần thiết bổ sung với đặc điểm của mô hình hoạt động của Công ty trong thời điểm hiện nay và tương lai. Trường hợp này sẽ được thay thế hoặc bổ sung (toàn bộ hoặc một phần) các nội dung này trong Điều lệ sửa đổi (được ghi “không có” trong Điều lệ hiện hành).
- d) Trường hợp 4: Một số nội dung của các Khoản, Điểm có quy định trong Điều lệ hiện hành nhưng không có trong Điều lệ mẫu, mặt khác các nội dung này xét đến vẫn phù hợp với đặc điểm của mô hình hoạt động của Công ty/hoặc chưa được thể hiện cụ thể hóa trong Điều lệ mẫu. Trường hợp này sẽ vẫn giữ lại các nội dung này trong Điều lệ sửa đổi (được ghi “không có” trong Điều lệ mẫu).

## II. NỘI DUNG RÀ SOÁT, HIỆU CHỈNH

Điều, khoản của Điều lệ mẫu  (1)	Theo Điều lệ mẫu  (2)	Điều lệ hiện hành (năm 2016)  (3)	Nội dung Điều lệ sửa đổi và diễn giải (các Điều, khoản theo Điều lệ mẫu)  (4)
Chương I	<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ</b>	
Điều 1	<b>Giải thích thuật ngữ</b>	<b>Điều 1. Định nghĩa</b>	Sửa tên Điều theo Điều lệ mẫu
Khoản 1	-Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:...	-Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:...	- Theo nội dung định nghĩa của Điều lệ mẫu: Từ điểm a. đến điểm



		- Điểm 1 Khoản 1: " <b>Cổ đông</b> " là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;	i. - Giữ nguyên nội dung Điểm 1 của Điều lệ hiện hành và đổi thành Điểm j: " <b>Cổ đông</b> " là tổ chức hay cá nhân sở hữu ít nhất một (01) cổ phần đã phát hành của Công ty;
Khoản 2, 3			- Theo nội dung của Điều lệ mẫu
	Không có	Khoản 4: Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.	- Bổ sung thêm Khoản 4 của Điều lệ sửa đổi nội dung: Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.
<b>Chương II</b>	<b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEP PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	<b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEP PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY</b>	
<b>Điều 2</b>	<b>Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	<b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</b>	
Khoản 1, 2, 3	- Tên Công ty:... - Trụ sở đăng ký của Công ty là:...	- Tên Công ty:... - Trụ sở đăng ký của Công ty là:...	- Giữ nguyên nội dung các Khoản 1, 2, 3 theo Điều lệ hiện hành và có cập nhật thông tin ngành nghề kinh doanh, số điện thoại, số fax của Công ty.
Khoản 4			- Theo nội dung của Điều lệ mẫu.
Khoản 5			Theo nội dung của Điều lệ mẫu: Trừ khi ...thời hạn hoạt động của

			Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là <i>vô thời hạn</i> .
<b>Điều 3</b>	<b>Người đại diện theo pháp luật của Công ty</b>	Khoản 4 của Điều 2	Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.
<b>Chương III</b>	<b>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	<b>MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>	
<b>Điều 4</b>	<b>Mục tiêu hoạt động của Công ty</b>	<b>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</b>	
Khoản 1	Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:...	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:...	- Sửa tên Khoản theo Điều lệ mẫu - Giữ nguyên nội dung các điểm: từ điểm a) đến điểm o) thuộc Khoản 1 của Điều lệ hiện hành.
Khoản 2	Mục tiêu hoạt động của Công ty là:...	Mục tiêu hoạt động của Công ty:...	Giữ nguyên nội dung Khoản 2 thuộc Điều 3 của Điều lệ hiện hành.
<b>Điều 5</b>	<b>Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</b>	<b>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Chương IV</b>	<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</b>	<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN</b>	Sửa tên Chương theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 6</b>	<b>Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>	<b>Điều 5.Vốn điều lệ, cổ phần</b>	Sửa tên Điều theo Điều lệ mẫu
Khoản 1.		Khoản 1: Vốn điều lệ của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (bằng chữ: <i>Bốn ngàn hai trăm hai mươi bốn tỷ đồng</i> ). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 422.400.000 cổ	Giữ nguyên nội dung của Điều lệ hiện hành.

		phần (bằng chữ: <i>Bốn trăm hai mươi hai triệu bốn trăm ngàn cổ phần</i> ) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (bằng chữ : <i>Mười ngàn đồng/cổ phần</i> ).	
Khoản 2, 3, 4			Theo nội dung của Điều lệ mẫu
Khoản 5	5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục ... đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.	Không có	Không bổ sung do đến nay cổ đông sáng lập là EVN đã chuyển giao chủ sở hữu về EVNGENCO1.
Khoản 6, 7, 8		Khoản 5, 6, 7	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 7</b>	<b>Chứng nhận cổ phiếu</b>	<b>Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu</b>	Sửa tên Điều theo Điều lệ mẫu
Khoản 1, 2		Khoản 1, 2	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
Khoản 3		Khoản 3	Theo nội dung của Điều lệ mẫu: Trong thời hạn <b>bảy (07) ngày</b> kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn <b>hai (02) tháng</b> ...
Khoản 4			Theo nội dung Khoản 4 của Điều lệ mẫu
		Khoản 4, 5, 6, 7	Bỏ các Khoản 4, 5, 6, 7 của Điều lệ hiện hành
	Không có	<b>Điều 7: Sổ đăng ký cổ đông</b>	Bỏ Điều 7 của Điều lệ hiện hành. Đã quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

<b>Điều 8</b>	<b>Chứng chỉ chứng khoán khác</b>	<b>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 9</b>	<b>Chuyển nhượng cổ phần</b>	<b>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 10</b>	<b>Thu hồi cổ phần</b>	<b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b>	
Khoản 1, 2, 3, 4, 6			Theo nội dung của Điều lệ mẫu
Khoản 5	Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá ... % một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi tính theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.	Theo nội dung của Điều lệ mẫu: Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và <b><i>lãi phát sinh theo tỷ lệ (không vượt quá mức cổ tức chi trả năm hiện hành)</i></b> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
<b>Chương V</b>	<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</b>	<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT</b>	
<b>Điều 11</b>	<b>Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</b>	<b>Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý</b>	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị;

			3. Tổng Giám đốc; 4. Ban kiểm soát.
<b>Chương VI</b>	<b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	<b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b>	
<b>Điều 12</b>	<b>Quyền của cổ đông</b>	<b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b>	
Khoản 1		Khoản 1 Điều 12	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
Khoản 2, 3	Cổ đông phổ thông có các quyền sau:...	Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:...	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
		Khoản 4	Bỏ Khoản 4 của Điều lệ hiện hành
<b>Điều 13</b>	<b>Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 14</b>	<b>Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 15</b>	<b>Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>	
Khoản 1	Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:...	Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:...	Sửa tên Khoản và nội dung theo Điều lệ mẫu
Khoản 2	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:...		Theo nội dung của Điều lệ mẫu
	Không có	Điểm t Khoản 1 của Điều 15: Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;	Bổ sung Điểm p của Điều lệ sửa đổi có nội dung: Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
Khoản 3, 4		Khoản 2, 3 của Điều 15	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 16</b>	<b>Đại diện theo ủy quyền</b>	<b>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền</b>	Sửa tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 17</b>	<b>Thay đổi các quyền</b>	<b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 18</b>	<b>Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ</b>	Sửa tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu

		<b>đông</b>	
<b>Điều 19</b>	<b>Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 20</b>	<b>Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 20. Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b>	Sửa tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 21</b>	<b>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 22</b>	<b>Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 22. Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 23</b>	<b>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 24</b>	<b>Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	<b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
			Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng <b>[30] ngày</b> theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
<b>Chương VII</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	
<b>Điều 25</b>	<b>Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b>		Bổ sung tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu.
<b>Điều 26</b>	<b>Thành phần và nhiệm kỳ của</b>	<b>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ</b>	

	<b>thành viên Hội đồng quản trị</b>	<b>của thành viên Hội đồng quản trị</b>	
Khoản 1	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ... người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Tại Khoản 1 của Điều 25	Số lượng thành viên Hội đồng quản trị <b>không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn mười một (11) người</b> . Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
Khoản 2	<p>Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>[Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết] Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp công ty đại chúng chưa niêm yết hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty đồng thời phải đảm bảo ít nhất một phần năm (1/5) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn (05) năm người, công ty phải đảm bảo có một thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.</p>	Không có	<p>Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>- <b>Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết:</b> Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>- <b>Đối với công ty niêm yết:</b> Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>

	[Đối với công ty niêm yết] Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.		
Khoản 3, 4		Tại Khoản 6, 8 của Điều 25	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
Khoản 5	Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty	Không có	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 27</b>	<b>Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị</b>	Sửa tên theo Điều lệ mẫu
Khoản 1, 2			Theo nội dung của Điều lệ mẫu
Khoản 3	Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:...	Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:...	
Điểm a, b, c, d, e của Khoản 3			Theo nội dung của Điều lệ mẫu
Điểm f của Khoản 3	Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ... đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;	Các khoản đầu tư ngoài kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm <b>không vượt quá 10%</b> giá trị kế hoạch được duyệt;	Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá <b>năm (05) tỷ</b> đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
Điểm g, h, i, j, k của Khoản 3			Theo nội dung của Điều lệ mẫu Bổ sung nội dung điểm j: Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định



			thời hạn, thủ tục trả cổ tức, <i>mức tạm ứng cổ tức hàng năm;</i>
Khoản 4, 5		Khoản 5, 6 Điều 26	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 28</b>	<b>Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</b>		Bổ sung tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 29</b>	<b>Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 30</b>	<b>Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	<b>Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 31</b>	<b>Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</b>	Khoản 15, 16 của Điều 28	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 32</b>	<b>Người phụ trách quản trị công ty</b>	Không có	Bổ sung Điều theo Điều lệ mẫu
<b>Chương VIII</b>	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	<b>TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</b>	Sửa tên của chương theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 33</b>	<b>Tổ chức bộ máy quản lý</b> Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông	<b>Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý</b>	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Bộ máy quản lý Công ty gồm <i>một (01) Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, một (01) Kế toán trưởng</i> và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm,

	qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.		bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.
<b>Điều 34</b>	<b>Người điều hành doanh nghiệp</b>	<b>Điều 30. Cán bộ quản lý</b>	Sửa tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 35</b>	<b>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b>	<b>Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
		<b>Điều 32. Thư ký Công ty</b>	Bỏ Điều 32 của Điều lệ hiện hành do đã quy định tại Khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp
<b>Chương IX</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>BAN KIỂM SOÁT</b>	Thay thế toàn bộ nội dung Chương này theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 36</b>	<b>Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b>		
<b>Điều 37</b>	<b>Kiểm soát viên</b>		
<b>Điều 38</b>	<b>Ban kiểm soát</b>		
<b>Chương X</b>	<b>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</b>	<b>Chương IX: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ</b>	Sửa tên Chương theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 39</b>	<b>Trách nhiệm cẩn trọng</b>	<b>Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý (Người quản lý doanh nghiệp)</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 40</b>	<b>Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi</b>	<b>Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 41</b>	<b>Trách nhiệm về thiệt hại và bồi</b>	<b>Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu

	<b>thường</b>	<b>và bồi thường</b>	
<b>Chương XI</b>	<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b>	
<b>Điều 42</b>	<b>Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b>	<b>Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Chương XII</b>	<b>CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b>	<b>HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG ĐOÀN, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY</b>	Sửa tên Chương theo Điều lệ mẫu
		<b>Điều 39. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn, các tổ chức chính trị khác và người lao động trong Công ty</b>	Bỏ Điều này do đã quy định tại Điều 6 Luật doanh nghiệp
<b>Điều 43</b>	<b>Công nhân viên và công đoàn</b>	<b>Điều 40. Người lao động và công đoàn</b>	Sửa tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu
<b>Chương XIII</b>	<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b>	<b>PHÂN CHIA LỢI NHUẬN</b>	
<b>Điều 44</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>Điều 41. Cổ tức và Điều 42. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</b>	Sửa tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu
<b>Chương XIV</b>	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b>	<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b>	Sửa tên Chương theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 45</b>	<b>Tài khoản ngân hàng</b>	<b>Điều 43. Tài khoản ngân hàng</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 46</b>	<b>Năm tài chính</b>	<b>Điều 44. Năm tài chính</b>	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của <b>tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm</b> . Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh

			doanh và kết thúc <i>vào ngày 31 của tháng 12</i> ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.
<b>Điều 47</b>	<b>Chế độ kế toán</b>	<b>Điều 45. Hệ thống kế toán</b>	Sửa tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu
<b>Chương XV</b>	<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</b>	<b>BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b>	Sửa tên Chương theo Điều lệ mẫu
<b>Điều 48</b>	<b>Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b>	<b>Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và hàng quý</b>	Sửa tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu
Khoản 1			Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
<b>Điều 49</b>	<b>Báo cáo thường niên</b>	<b>Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</b>	Sửa tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu
<b>Chương XVI</b>	<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY</b>	
<b>Điều 50</b>	<b>Kiểm toán</b>	<b>Điều 48. Kiểm toán</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Chương XVII</b>	<b>CON DẤU</b>	<b>CON DẤU</b>	
<b>Điều 51</b>	<b>Con dấu</b>	<b>Điều 49. Con dấu</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Chương XVIII</b>	<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b>	
<b>Điều 52</b>	<b>Chấm dứt hoạt động</b>	<b>Điều 50. Chấm dứt hoạt động</b>	

Khoản 1, 2		Khoản 1, 2	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
	Không có	<b>Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông</b> (gồm các Khoản 1,2,3)	Bỏ Điều 51 của Điều lệ hiện hành do được quy định tại Điều 203 của Luật doanh nghiệp
<b>Điều 53</b>	<b>Gia hạn hoạt động</b>	<b>Điều 52. Gia hạn hoạt động</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Điều 54</b>	<b>Thanh lý</b>	<b>Điều 53. Thanh lý</b>	Theo nội dung của Điều lệ mẫu
<b>Chương XIX</b>	<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b>	
<b>Điều 55</b>	<b>Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	<b>Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b>	
Khoản 1			Theo nội dung của Điều lệ mẫu: Trường hợp phát sinh tranh chấp... <b>trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc ...</b> giải quyết tranh chấp.
Khoản 2, 3			Theo nội dung Điều lệ mẫu
<b>Chương XX</b>	<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b>	
<b>Điều 56</b>	<b>Điều lệ Công ty</b>	<b>Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ</b>	Sửa tên Điều và nội dung theo Điều lệ mẫu
<b>Chương XXI</b>	<b>NGÀY HIỆU LỰC</b>	<b>NGÀY HIỆU LỰC</b>	
<b>Điều 57</b>	<b>Ngày hiệu lực</b>	<b>Điều 56. Ngày hiệu lực</b>	1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 57 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi nhất trí <b>thông qua ngày ... tháng ... năm 2018</b> tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong

			<p>đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;</p> <p>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><i>Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.</i></p>
--	--	--	--

Số: /TTr-TĐĐHĐ

Lâm Đồng, ngày tháng 04 năm 2018

Dự thảo

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và quy định pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 thông qua dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi được tham chiếu theo mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính áp dụng đối với công ty đại chúng và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Tài liệu đính kèm theo:

- Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (ban hành lần đầu);

Kính trình./.

#### Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
- TV HĐQT Cty;
- TGD, P.TGD;
- Lưu: VT, P.TCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trọng Oánh**

# DU THẢO

## QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI (Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số ..../NQ-ĐHĐCĐ ngày.. tháng... năm 2018)

### 1. MỤC ĐÍCH:

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và người điều hành doanh nghiệp.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty như:

1. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
3. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.
4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên.
4. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
7. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.
8. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
9. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
10. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
11. Các vấn đề khác.

### 2. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Căn cứ vào Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi;
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

### 3. NỘI DUNG:



# CHƯƠNG I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến quản trị công ty đối với Công ty, bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng Giám đốc và người điều hành khác;
- đ) Người phụ trách quản trị công ty;
- e) Báo cáo và công bố thông tin.

#### 2. Đối tượng áp dụng

- a) Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty ĐHD);
- b) Cổ đông công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp của Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
- d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty.

### Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- a) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- b) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- c) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- d) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- đ) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

2. “**Công ty niêm yết**” là công ty cổ phần được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam;

3. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 của Luật chứng khoán;

4. “**Đơn vị trực thuộc**” là đơn vị do Công ty thành lập, có đăng ký hoạt động tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không có tư cách pháp nhân gồm:

- Ban quản lý dự án không chuyên trách;
- Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật.

5. “**Công ty con**” là Công ty được thành lập trong đó Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thuộc một trong những trường hợp sau:

- Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của công ty đó;

- Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của Công ty đó;

- Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty đó.

6. “**Bộ phận chức năng**” là các phòng nghiệp vụ và các phân xưởng của Công ty và các Đơn vị trực thuộc;

7. “**Người quản lý doanh nghiệp**” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;

8. “**Điều lệ công ty**” là bản Điều lệ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ĐHD.

9. “**Công ty đại chúng**” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán.

10. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;

11. “**Người điều hành doanh nghiệp**” là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

12. “**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

13. “**Người phụ trách quản trị công ty**” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

### **Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành**

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

### **Điều 4. Điều lệ công ty**

Điều lệ công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không được trái với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Điều 5. Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty ĐHD được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty ĐHD không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG II**

### **TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

#### **1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:**

a) Đưa ra các quyết định triệu tập họp

Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề sau:

- Thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
- Ngày đăng ký cuối cùng;
- Chương trình và nội dung cuộc họp: Xác định cơ cấu cuộc họp, các vấn đề cần được đưa ra thảo luận và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- Các thủ tục trong việc thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tới các cổ đông;
- Hình thức và nội dung, cách thức biểu quyết; Báo cáo của các bộ phận tại cuộc họp...

b) Lập danh sách cổ đông

- Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- Công ty phải gửi đầy đủ các tài liệu (nghị quyết Hội đồng quản trị, thông báo chốt danh sách cổ đông,...) đồng thời công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

**2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:**

Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Gửi thông báo mời họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc bằng phương thức bảo đảm kèm các tài liệu phục vụ trong chương trình họp, đồng thời công bố trên website của công ty, Sở Giao dịch chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- Đối với cổ đông bên ngoài Công ty: Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến cổ đông qua đường bưu điện, bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc chuyển tận tay, hoặc gửi tới số fax, địa chỉ thư điện tử của cổ đông đó;

- Đối với cổ đông là người làm việc trong Công ty: Thông báo sẽ được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay cổ đông tại nơi làm việc.

c) Trường hợp Công ty đã đăng tải lên trang thông tin điện tử các tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp vẫn phải được gửi bằng phương thức bảo đảm, trong đó ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

**3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:**

- Tất cả cổ đông có quyền dự họp phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp;

- Trường hợp cổ đông có quyền dự họp không thể đến dự Đại hội đồng cổ đông, có thể ủy quyền lại cho người khác tham dự. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản có ghi rõ phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và nội dung khác theo quy định của pháp luật. Và khi đến dự người được ủy quyền phải xuất trình giấy ủy quyền, chứng minh thư (Hộ chiếu) cho Ban tổ chức Đại hội;

- Từng cổ đông hoặc đại diện ủy quyền có quyền biểu quyết sẽ được Công ty cấp cho 01 thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên của đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

- Cổ đông vẫn có quyền tham gia đại hội khi cuộc họp đã khai mạc và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký.

#### **4. Cách thức bỏ phiếu**

- Đại hội đồng cổ đông thực hiện nguyên tắc bầu cử trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín, theo phương thức dồn phiếu;

- Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông tham dự có mặt tại Đại hội đồng cổ đông vào thời điểm bầu cử có một phiếu bầu cho từng chức danh, trong đó ghi rõ mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và tổng số quyền bầu cử;

- Cổ đông bỏ phiếu vào thùng phiếu tuân tự theo quy định của Ban tổ chức Đại hội.

#### **5. Cách thức kiểm phiếu:**

Việc kiểm phiếu được Ban Kiểm phiếu tiến hành theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp theo cách thức: Kiểm số phiếu biểu quyết tán thành trước, sau đó kiểm số phiếu biểu quyết không tán thành sau rồi đến số phiếu không có ý kiến; Tổng hợp riêng kết quả mỗi loại.

#### **6. Thông báo kết quả kiểm phiếu:**

Việc kiểm phiếu phải được lập thành biên bản và kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

#### **7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

- Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông đã được thông qua theo đúng quy định tại Điều 21 của Điều lệ công ty thì các phản đối của cổ đông không cần phải xem xét lại;

- Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

+ Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Quy chế này;

+ Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty;

+ Ngoài những quy định trên, cổ đông (người đại diện), thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chỉ có quyền phản đối các quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngay trước khi các quyết định đó được thông qua tại Đại Hội.

### **8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung sau:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

+ Họ, tên chủ tọa và thư ký;

+ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

+ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

+ Tổng số phiếu biểu quyết với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

+ Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

- Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

### **9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông báo đến các cổ đông có quyền dự họp. Việc công bố thông tin ra công chúng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng các văn bản khác có liên quan.

### **10. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

#### **A. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:**

1. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2014. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp 2014.



2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

**B. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:**

1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
2. Định hướng phát triển Công ty;
3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định,
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

**Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông**

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
- Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

**Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông**

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ phải tối thiểu có các nội dung sau:

- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

### **CHƯƠNG III**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

##### **1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị**

Theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 2014;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
- d) Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

##### **2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị**

###### **2.1. Cách thức đề cử và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:



- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- e) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2.2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

### **3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

- a) Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 26 của Điều lệ công ty.

- b) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách đề cử để Đại hội thống nhất thông qua. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông (đại diện cổ đông) có mặt dự họp và tiến hành bầu cử và kiểm phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị. Người trúng cử vào Hội đồng quản trị phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 của Điều này và phải đạt được trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

- a) Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Có đơn xin từ chức;

- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Các trường hợp trên, thành viên Hội đồng quản trị khi bị miễn nhiệm phải được quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **5. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:**

a) Việc đề cử ứng viên vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị phải được lập thành văn bản và gửi đến Hội đồng quản trị đương nhiệm;

b) Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

### **Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị cụ thể như sau:

#### **1. Thông báo họp Hội đồng quản trị**

- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

- Địa điểm họp: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị;

- Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

- Tùy vào tình hình thực tế, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể mời thêm một số thành viên khác tham dự khi bàn những nội dung có liên quan.

## **2. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản của một trong số các đối tượng dưới đây nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- + Ban kiểm soát;
- + Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- + Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- + Các trường hợp khác (nếu có).

- Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

- Các điều kiện khác quy định theo Điều 153 - Luật doanh nghiệp.

## **3. Cách thức biểu quyết**

- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

## **4. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị**

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

## **5. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị**

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản;

- Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

#### **6. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:**

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được thông báo cho Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

### **Điều 11. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên**

#### **1. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên:**

a) Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

b) Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

c) Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

#### **2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:**

a) Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2, Điều 9 Quy chế này.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng

viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **3. Cách thức bầu Kiểm soát viên**

#### **a) Nhiệm kỳ và số lượng Kiểm soát viên**

Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### **b) Cách thức bầu Kiểm soát viên**

- Việc bầu cử Kiểm soát viên được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa Đại hội giới thiệu danh sách đề cử để Đại hội thống nhất thông qua. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông công bố thể lệ bầu cử, phát phiếu bầu cử cho các cổ đông (đại diện cổ đông) có mặt dự họp và tiến hành bầu cử và kiểm phiếu bầu cử Kiểm soát viên. Người trúng cử vào Ban Kiểm soát phải là người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 4 của điều này và phải đạt được trên 50% cổ phần có quyền biểu quyết có mặt dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành và lấy từ cao xuống thấp đảm bảo đủ số lượng Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc bổ nhiệm các Kiểm soát viên phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

c) Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

### **4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp.

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định, tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.



## **Điều 12. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG V**

### **THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 13. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng.

2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng.

## **CHƯƠNG VI**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 14. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### **1. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp:**

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

### **2. Bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp:**

Trình tự, thủ tục quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đề bạt bổ nhiệm giữ các chức vụ người điều hành doanh nghiệp phải theo quy định trong Quy chế về công tác cán bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.

Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sau khi được sự thống nhất thông qua của Chủ sở hữu- Tổng công ty Phát điện 1.

### **3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp:**

Việc ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật lao động;

### **4. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:**

Thực hiện theo Quy chế về công tác cán bộ hiện hành của Công ty.

### **5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp:**

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 15. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời và tài liệu kèm theo đến Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị;

- Biên bản kết quả họp, Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc để đảm bảo được thực hiện và giám sát;

2. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

Tất cả các nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được cung cấp đến Ban Kiểm soát.

3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:

- Khi có yêu cầu của một nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ công ty;

- Có bằng chứng cho thấy cần phải triệu tập họp Hội đồng quản trị nếu không sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty;

- Có đầy đủ bằng chứng cho rằng Hội đồng quản trị thực hiện nghị quyết của mình có thể sẽ ảnh hưởng lợi ích của Công ty, vi phạm pháp luật Nhà nước;

- Một số trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

- Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Tổng Giám đốc phải thực hiện báo cáo với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

- Một số trường hợp khác mà Tổng Giám đốc phải báo cáo với Hội đồng quản trị theo quyết định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị hợp đánh giá, kiểm điểm về việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Giám đốc. Việc đánh giá này được thực hiện trong các buổi họp Hội đồng quản trị định kỳ.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình quản lý của Công ty. Tổng Giám đốc phải báo cáo và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu;

- Việc cung cấp thông tin của Tổng Giám đốc cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải tuân theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc phải phối hợp hoạt động, kiểm soát, điều hành và giám sát lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong pháp luật và Điều lệ Công ty;

- Việc phối hợp này nhằm tránh sự xung đột về quyền và nghĩa vụ, đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty, tuân thủ thực hiện theo các quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG VII

### ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

**Điều 16. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác**

#### 1. Tiêu chuẩn đánh giá

1.1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc

a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích thiết thực chính đáng cho các cổ đông, cán bộ công nhân viên và vì sự phát triển của Công ty;



c) Trung thành lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng, địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

1.2. Đối với người điều hành doanh nghiệp khác

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, trung thực;

b) Thể hiện năng lực quản lý và điều hành ở mảng công việc được phân công phụ trách;

c) Gương mẫu trong làm việc và đạo đức lối sống;

d) Không bị kỷ luật từ khiên trách trở lên.

## **2. Hệ thống khen thưởng và kỷ luật**

Áp dụng theo quy chế thi đua khen thưởng của Tổng công ty Phát điện 1 và quy chế chi trả tiền thưởng cho người quản lý Công ty (theo Quy chế quản lý vốn và Người đại diện của Chủ sở hữu - Tổng công ty Phát điện 1 và Quy chế của Công ty).

## **3. Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật**

Công ty thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng - kỷ luật do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch hội đồng, Chủ tịch Công đoàn cơ sở, Bí thư Đoàn thanh niên và cấp trưởng một số bộ phận trong Công ty làm thành viên.

# **CHƯƠNG VIII**

## **NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**Điều 17. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

### **1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty**

- Có hiểu biết về pháp luật;

- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

### **2. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

### **3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty**

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp, lập biên bản và nghị quyết cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty;

j. Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;

k. Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty.

l. Đối với Người phụ trách quản trị công ty làm công tác kiêm nhiệm, được hưởng tiền thù lao kiêm nhiệm (mức thù lao do lãnh đạo Công ty thống nhất chi trả phù hợp với tình hình thực tế tại từng thời điểm), nguồn hạch toán vào quỹ lương người lao động của Công ty.

m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **4. Miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

#### **5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG IX BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 18. Nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị của Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho các cổ đông và công chúng đầu tư.

#### **Điều 19. Công bố thông tin về cơ cấu tổ chức quản lý công ty**

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về cơ cấu tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp Công ty thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức.

#### **Điều 20. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty**

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty đại chúng có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

#### **Điều 21. Tổ chức công bố thông tin**

1. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. Người công bố thông tin là Kế toán trưởng của Công ty.

3. Người công bố thông tin phải có tiêu chuẩn, điều kiện sau:

Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học.

4. Trách nhiệm của người công bố thông tin:

- Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông dễ dàng liên hệ;

- Ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;

- Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG X TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng quản trị chủ trì phối hợp với Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty tổ chức thực hiện Quy chế này.

## **CHƯƠNG XI**

### **SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ**

#### **Điều 23. Sửa đổi, bổ sung quy chế**

- Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **CHƯƠNG XII**

### **NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 12 chương, 24 điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày....tháng... năm 2018 và cùng chấp nhận toàn văn của Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên và toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**4. HỒ SƠ LƯU TRỮ:** Không

**5. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM:** Không

Dự thảo

**BIÊN BẢN**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**  
**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

**I. Thời gian và địa điểm**

1. Thời gian: Vào lúc 08h30 ngày 26 tháng 04 năm 2018.
2. Địa điểm: Tại văn phòng Công ty, số 80A Trần Phú, Tp. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**II. Thành phần tham dự**

- Các thành viên Hội đồng quản trị gồm:
  - + Ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch;
  - + Ông Lê Văn Quang - Ủy viên;
  - + Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy Viên.
- Các thành viên Ban Kiểm soát gồm:
  - + Ông Ngô Thế Long - Trưởng Ban;
  - + Ông Nguyễn Tiến Dũng - Thành viên;
  - + Ông Hoàng Văn Long - Thành viên.
- Các cổ đông/đại diện cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 13/04/2018 và đăng ký tham dự Đại hội.

**III. Nội dung Đại hội**

**1. Các thủ tục khai mạc Đại hội**

**1.1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự**

- Tuyên bố lý do.
- Giới thiệu đại biểu và thành phần tham dự.

**1.2. Kiểm tra tư cách cổ đông**

Ông Lê Xuân Phong - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông. Cụ thể như sau:

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông có mặt tham dự Đại hội đại diện cho ----- cổ phần, chiếm -----% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, sau khi kiểm tra, các cổ đông đều đủ tư cách tham dự Đại hội và cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đủ điều kiện tiến hành theo quy định.

### **1.3. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, cử Thư ký Đại hội**

- Ông Lê Thành Cẩm - Thành viên Ban Tổ chức - giới thiệu Đoàn Chủ tịch lên điều hành Đại hội gồm:

+ Ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội.

+ Ông Lê Văn Quang - Ủy viên Hội đồng quản trị.

+ Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy viên Hội đồng quản trị.

- Đoàn Chủ tịch cử ông Trịnh Quang Tiến Phước và bà Nhâm Thị Huyền Thao làm thư ký Đại hội.

Đại hội thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100%.

### **1.4. Bầu Ban bầu cử và kiểm tra kết quả biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội**

Đoàn chủ tịch giới thiệu các thành viên Ban kiểm tra kết quả biểu quyết các nội dung cần thông qua tại Đại hội gồm:

- Ông Lê Xuân Phong - Trưởng Ban;

- Ông Đặng Như Tấn - Thành viên;

- Bà Nguyễn Hạnh Dung - Thành viên;

- Bà Đàm Thị Ngọc Loan - Thành viên.

Đại hội thống nhất thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành đạt 100%.

### **1.5. Thông qua chương trình Đại hội, quy chế tổ chức Đại hội và Quy định thể lệ biểu quyết**

- Đại hội thống nhất thông qua nội dung chương trình Đại hội, Quy chế tổ chức Đại hội và Quy định thể lệ biểu quyết để Đại hội biểu quyết thông qua với tỷ lệ tán thành đạt: 100%.

## **2. Các Báo cáo được trình bày tại Đại hội**

- Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy viên Hội đồng quản trị trình bày:

+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và kế hoạch năm 2018.

- Ông Lê Văn Quang - Ủy viên Hội đồng quản trị trình bày:

+ Báo cáo của hội đồng quản trị về tình hình quản lý công ty năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.

- Ông Ngô Thế Long - Trưởng Ban Kiểm soát trình bày:

+ Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

+ Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

- Bà Phạm Thị Hồng Hà - Kế toán trưởng Công ty trình bày:

+ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2017.

+ Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.

- Ông Lê Thành Cẩm - TP .TCLĐ Công ty trình bày:

+ Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao người quản lý năm 2018.

+ Tờ trình đề nghị thông qua sửa đổi bổ sung Điều lệ.

+ Tờ trình đề nghị thông qua quy chế Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

#### **IV. Ý kiến thảo luận của các cổ đông:**

- Các cổ đông đã thảo luận các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thông qua.

#### **V. Kết quả biểu quyết:**

Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung sau:

<b>STT</b>	<b>Các nội dung biểu quyết</b>	<b>Kết quả biểu quyết</b>
1	Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2017 và kế hoạch năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
2	Thông qua Báo cáo của hội đồng quản trị về tình hình quản lý công ty năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
3	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
4	Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
5	Thông qua tiền lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch tiền lương, thù lao người quản lý năm 2018.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
6	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
7	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%



8	Thông qua sửa đổi, bổ sung điều lệ.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
9	Thông qua quy chế Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim -Hàm Thuận - Đa Mi	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%

#### **VI. Kết thúc Đại hội:**

Biên bản này được Thư ký Đại hội lập đầy đủ, trung thực, đọc lại trước Đại hội và được Đại hội nhất trí thông qua.

Đại hội kết thúc vào 11h30' cùng ngày.

## **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

***Nơi nhận:***

- Các cổ đông của Công ty;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

**Nguyễn Trọng Oánh**

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**

**Trịnh Quang Tiến Phước**

**Nhâm Thị Huyền Thao**



Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26/04/2018,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

Nội dung	Thực hiện	Đơn vị
- Sản lượng điện sản xuất	3.328	Tr.kWh
- Sản lượng điện thương phẩm	3.306	Tr.kWh
- Tổng doanh thu	1.725,4	Tỷ.đ
- Tổng chi phí	910,7	Tỷ.đ
- Lợi nhuận trước thuế	814,7	Tỷ.đ
- Cổ tức	18%	%
- Đầu tư xây dựng - ĐTPT	377,3	Tỷ.đ
- Đầu tư tài chính	6,2	Tỷ.đ

## 2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Nội dung	Kế hoạch	Đơn vị
- Sản lượng điện sản xuất	2.665	Tr.kWh
- Sản lượng điện thương phẩm	2.640	Tr.kWh
- Tổng doanh thu	1.615,7	Tỷ.đ
- Tổng chi phí	938,7	Tỷ.đ
- Lợi nhuận trước thuế	677,0	Tỷ.đ
- Cổ tức	10	%
- Đầu tư xây dựng	846,1	Tỷ.đ
- Đầu tư tài chính	15,4	Tỷ.đ

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2017 với những nội dung chính như sau:

### 1. Báo cáo tài chính riêng

#### 1.1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	2.356.906	1.780.751
2. Tài sản dài hạn	5.250.594	5.549.785
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>7.607.500</b>	<b>7.330.536</b>
3. Nợ phải trả	2.280.531	1.810.499
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.326.969	5.520.037
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>7.607.500</b>	<b>7.330.536</b>

Tổng tài sản năm 2017 giảm so với năm 2016, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã dùng tiền trả nợ vay dài hạn nên cả tài sản ngắn hạn và nợ đều giảm.

#### 1.2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu: 1.725.446 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 910.716 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 814.730 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 655.080 triệu đồng.

### 2. Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 2.1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	2.372.909	1.802.308
2. Tài sản dài hạn	5.587.324	5.871.980
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>7.960.233</b>	<b>7.674.288</b>
3. Nợ phải trả	2.575.523	2.089.154
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.344.542	5.534.752
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	40.167	50.381
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>7.960.233</b>	<b>7.674.288</b>

2.2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

- Tổng doanh thu: 1.787.892 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 968.580 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 819.312 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 658.707 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 6.246 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 652.461 triệu đồng

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về tình hình quản lý Công ty năm 2017 và kế hoạch hoạt động năm 2018.

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

**Điều 5.** Thông qua đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

**Điều 6.** Thông qua báo cáo lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch lương, thù lao người quản lý năm 2018, cụ thể như sau:

1. Lương, thù lao HĐQT, BKS năm 2017: Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2017 của HĐQT, BKS là 4.225.614.000 đồng.

2. Kế hoạch lương, thù lao người quản lý năm 2018: Kế hoạch tiền lương, thù lao của người quản lý năm 2018 (bao gồm thưởng an toàn điện) là 4.867.540.800 đồng

**Điều 7.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017:

(ĐVT: Đồng)

STT	Nội dung	Năm 2017
<b>I</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>814.729.940.880</b>
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	159.650.031.461
2	Lợi nhuận sau thuế	471.915.513.502
3	Lợi nhuận các năm trước để lại	205.228.992.104
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>860.308.901.523</b>
1	Cổ tức (18%)	760.320.000.000
2	Quỹ Đầu tư phát triển	15.000.000.000
3	Quỹ thưởng Ban điều hành, HĐQT, BKS	528.537.724
4	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	19.533.500.000
5	Lợi nhuận để lại	64.926.863.799

**Điều 8.** Thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.

**Điều 9.** Thông qua quy chế Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

**Điều 10.** Điều khoản thi hành

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn.

Các ông/bà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo chức năng nhiệm vụ của mình, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông của Công ty;
- HĐQT;
- BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Nguyễn Trọng Oánh**